**TUẦN 18 17/01/2022 - 22/1 /2022 ( 2021-2022 )**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **NGÀY THÁNG** | | **MÔN DẠY** | **TIẾT** | **TỰA BÀI** | **NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH** |
|  | | Tập đọc | 35 | Ôn tập&Kiểm tra.HKI. |  |
|  | | Tóan | 86 | Dấu hiệu chia hết cho 9. |  |
| Thứ hai  17/01/2022 | | Đạo đức | 18 | Ôn tập &thực hành kĩ năng cuối HKI. |  |
|  | | Kể /ch | 18 | Ôn tập&Kiểm tra.HKI. |  |
|  | | Ch/cờ | 18 |  |  |
|  | | Ch/tả | 18 | Về thăm bà. (nghe-viết). |  |
| Thứ ba  18/01/2022 | | Thể dục | 35 | Đi nhanh chuyển sang chạy .TC:Chạy theo hình. |  |
|  | | Tóan | 87 | Dấu hiệu chia hết cho 3. |  |
|  | | LT&C | 35 | Ôn tập&Kiểm tra.HKI. |  |
|  | | Khoa học | 35 | Không khí cần cho sự cháy. | (GDMT) |
|  | | Tập đọc | 36 | Ôn tập&Kiểm tra.HKI. |  |
| Thứ tư  19/01/2022 | | Kĩ thuật | 18 | Cắt khâu,thêu sản phẩm tự chọn.(tt)  →Xếp hình ngôi sao để trang trí. | -KHGDĐP:Làm &trang trí hộp bút từ vật liệu phế phẩm (vỏ hộp sữa,chai nước,…)→ |
|  | | Tóan | 88 | Luyện tập. |  |
|  | | TLV | 35 | Ôn tập&Kiểm tra.HKI. |  |
|  | | Lịch sử | 18 | Ôn tập&Kiểm tra.HKI. |  |
|  | | LT&Câu | 36 | Ôn tập&Kiểm tra.HKI. |  |
|  | | AV ĐA | 35 |  |  |
| Thứ năm | | Tóan | 89 | Luyện tập chung. |  |
| 20/01/2022 | | Địa lý | 18 | .Ôn tập&Kiểm tra.HKI. |  |
|  | | AV ĐA | 36 |  |  |
|  | | TLV | 36 | Ôn tập&Kiểm tra.HKI. |  |
| Thứ sáu  21/01/2022 | | Âm nhạc | 18 | Tập biểu diễn các bài hát đã học. | -HĐNGLL:Hát theo chủ đề :Chú bộ đội |
|  | | Tóan | 90 | Ôn tập&Kiểm tra.HKI. |  |
|  | | Khoa học | 36 | Không khí cần cho sự sống. | (GDMT) |
|  | | HĐTT | 18 | Chăm sóc sức khỏe răng miệng. |  |
| Thứ 7  22/01/2022 | KNS | 18 | Chủ điểm tháng 12 |  | |
| Thể dục | 36 | Sơ kết HKI .TC:Chạy theo hình tam giác. |  | |
| Mỹ thuật | 18 | Vẽ theo mẫu :Tĩnh vật lọ hoa&quả. |  | |
| AVBN | 35 |  |  | |
| AVBN | 36 |  |  | |

**TUẦN 18**

**Thứ hai ngày 17 tháng 1 năm 2022**

**Tập đọc**

**RẤT NHIỀU MẶT TRĂNG(tiếp theo)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực:**

- Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực đặc thù:

+ Năng lực ngôn ngữ: rành mạch, biết đọc với giọng đọc nhẹ nhàng, chậm rãi; bước đầu biết đọc diễn cảm đoạn văn có lời nhân vật (chú hề, nàng công chúa nhỏ) và người dẫn chuyện. đọc phân biệt lời người dẫn chuyện với lời các nhân vật: chú bé, nàng công chúa nhỏ và lời người dẫn chuyện.

+ Năng lực văn học: Hiểu các từ ngữ trong bài thất vọng, nâng niu, rón rén.

Cách nghĩ của trẻ em về thế giới, về mặt trăng ngộ nghĩnh đáng yêu. (trả lời được các câu hỏi trong SGK).

**2. Phẩm chất:** Nhân ái, trách nhiệm, thương yêu: Cách nghĩ của trẻ em về thế giới, về mặt trăng ngộ nghĩnh đáng yêu.

Tình thương yêu các em nhỏ của anh chiến sĩ, mơ ước của anh về tương lai đẹp đẽ của các em và của đất nước

**3. Tích hợp:theo CV( 3969)**

*\* KỸ NĂNG :*

*- An toàn sử dụng thiết bị điện*

*- Kĩ năng sử dụng intrenet*

*- Kĩ năng ứng xử trên mạng xã hội*

*- Hạn chế sử dụng thiết bị sau giờ học*

**III. CHUẨN BỊ**

**1. Giáo viên: -** Tranh minh hoạ bài học.

- Bảng phụ viết đoạn cần luyện đọc.

**2. Học sinh:** SGK Tiếng việt 4, tập 1.

**IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động: (3-5’)**  - GV gọi Hs Đọc phân vai bài: Rất nhiều mặt trăng" phần 1  ? Tìm những từ ngữ cho thấy cách nghĩ của cô công chúa nhỏ về mặt trăng rất khác cách nghĩ của ngư­ời lớn.  *+ Nêu nội dung bài*  - GV nhận xét, dẫn vào bài. Giới thiệu bài  - Gv cho Hs quan sát tranh  ? Nhìn vào bức tranh em hình dung ra cảnh gì?  - Gv giới thiệu bài: các con cùng tìm hiểu điều đó qua bài học ngày hôm nay  - Ghi tên bài lên bảng. | - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  - Mặt trăng chỉ to hơn móng tay của công chúa. Mặt trăng treo ngang ngọn cây. Mặt trăng đ­ược làm bằng vàng.  *+ HS nêu :*Câu chuyện cho em hiểu rằng cách nghĩ của trẻ em khác với suy nghĩ của người lớn.  - Chú hề đang trò chuyện với công chúa trong phòng ngủ, bên ngoài mặt trăng vẫn chiếu sáng vằng vặc.  - Vậy cô công chúa có suy nghĩ như thế nào về mọi vật xung quanh? Câu trả lời nằm trong bài học ngày hôm nay: *Rất nhiều mặt trăng ( phần tiếp theo).* |
| **2. HĐ khám phá:**  **a. HĐ1:2. Luyện đọc :** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Đọc trôi chảy, rành mạch, biết đọc với giọng đọc nhẹ nhàng, chậm rãi; bước đầu biết đọc diễn cảm đoạn văn có lời nhân vật (chú hề, nàng công chúa nhỏ) và người dẫn chuyện, đọc phân biệt lời người dẫn chuyện với lời các nhân vật: chú bé, nàng công chúa nhỏ và lời người dẫn chuyện.  \* **Cách tiến hành:** | |
| - GV chia đoạn.  - Bài chia 3 đoạn:  + Đoạn 1: Từ đầu đến đều bó tay.  + Đoạn 2: Mặt trăng...dây chuyển ở cổ.  + Đoạn 3: phần còn lại.  - GV chốt vị trí các đoạn:  - GV gọi HS đọc nối tiếp đoạn (3 l­ượt):  + Lần 1: 3 HS đọc kết hợp lỗi phát âm.  + Lần 2: 3 HS đọc kết hợp giải nghĩa từ.  + Lần 3: 3 HS đọc, nhận xét.  - GV gọi HS luyện đọc theo cặp.  -GV gọi HS đọc toàn bài.  - GV đọc diễn cảm toàn bài | - Lắng nghe  - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp đoạn trong nhóm lần 1 và phát hiện các từ ngữ khó (*bằng chừng nào, treo ở đâu , tất nhiên....)*  - Khỏi bệnh, lo lắng, con hươu, rón rén.  - Giải nghĩa từ khó (đọc chú giải)  - Thất vọng, nâng niu, rón rén.  - 1HS đọc toàn bài. |
| **b. HĐ2: 3. Tìm hiểu bài:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu: Cách nghĩ của trẻ em về thế giới, về mặt trăng ngộ nghĩnh đáng yêu. (Trả lời được các câu hỏi trong SGK )  \* Cách tiến hành: | |
| - HS đọc thầm đoạn 1 và trả lời câu hỏi:  ? Nhà vua lo lắng về điều gì?  ? Nhà vua cho vời các vị đại thần và các nhà khoa học đến để làm gì ?  ? Vì sao một lần nữa các vị đại thần và các nhà khoa học lại không giúp đ­ược nhà vua?  ? Nêu ý chính đoạn 1?  - Gọi HS đọc thầm đoạn 2, 3  ? Chú hề đặt câu hỏi với công chúa về hai mặt trăng để làm gì?  ? Công chúa trả lời thế nào?  - GV giảng tranh?  ? Cách giải thích của công chúa nói lên điều gì? Chọn câu trả lời hợp với ý của em a, b, c.  - Thảo luận theo cặp, trình bày.  ? Nêu ý chính đoạn 2, 3?  ? Nêu nội dung chính của bài. | - Đoạn 1:  - ...vì đêm đó mặt trăng sẽ sáng vằng vặc trên bầu trời, nếu công chúa thấy mặt trăng thật sẽ nhận ra mặt trăng đeo trên cổ là giả, sẽ ốm trở lại.  - Để nghĩ cách làm cho công chúa không thể nhìn thấy mặt trăng.  - Vì mặt trăng ở rất xa và rất to, tỏa sáng rất rộng nên không có cách nào làm cho công chúa không nhìn thấy đ­ược.  ***1. Nỗi lo lắng của nhà vua.***  + Đoạn 2, 3:  - Chú muốn dò hỏi công chúa nghĩ thế nào khi thấy một mặt trăng đang chiếu sáng trên bầu trời, một mặt trăng đang nằm trên cổ công chúa.  - Khi ta mất đi một chiếc răng, chiếc răng mới sẽ mọc, khi ta cắt những bông hoa, hoa mới sẽ mọc lên. Mặt trăng cũng vậy, mọi thứ đều nh­ư vậy.  - Ýc: Cách nhìn của trẻ em về thế giới xung quanh rất khác với người lớn.  ***2. Cách nhìn và suy nghĩ của công chúa về mặt trăng rất khác ng­ười lớn.***  \*ND: Cách nghĩ của trẻ em về đồ chơi và mọi vật xung quanh rất ngộ nghĩnh, đáng yêu.  - HS ghi lại nội dung |
| **c. HĐ3: Luyện tập: (10p)**  \* Mục tiêu: **HS** biết đọc diến cảm 1 đoạn của bài tập đọc  **\* Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – nhóm - cả lớp** | |
| - GV yc ba HS đọc nối tiếp đoạn.  ? Nêu giọng đọc toàn bài?  - GV treo bảng phụ đoạn văn, 1 HS đọc  ? Nêu cách ngắt câu văn dài, nhấn giọng.  ? Đoạn văn có lời đối thoại của những nhân vật nào? Thể hiện giọng đọc như thế nào?  - GV gọi HS đọc diễn cảm theo cách phân vai trong nhóm.  - GV cho HS thi đọc theo cách phân vai.  - GV nhận xét, bình chọn nhóm đọc hay. | - 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp.  - HS nêu lại giọng đọc cả bài  - Nhóm trưởng điều khiển nhóm đọc diễn cảm  - Thi đọc diễn cảm trước lớp  - Lớp nhận xét, bình chọn.  - HS nêu lại giọng đọc cả bài  - Nhóm trưởng điều hành các thành viên trong nhóm  + Luyện đọc phân vai trong nhóm  + Cử đại diện đọc trước lớp  - Bình chọn nhóm đọc hay. |
| **3. HĐ Vận dụng - Mở rộng: (2- 3p)**  \* Mục tiêu: Hiểu được suy nghĩ của trẻ em rất khác so với suy nghĩ của người lớn.  \* Cách tiến hành | |
| GV cho hs lấy ví dụ về suy nghĩ của trẻ em rất khác người lớn  **4. Củng cố - dặn dò (2-3p)**  Bài văn muốn nói với chúng ta điều gì?  - Nhận xét giờ học. Dặn dò:  + Đọc và xem trước bài sau. | - HS suy nghĩ của mình  \* Câu chuyện cho em hiểu rằng cách nghĩ của trẻ em khác với suy nghĩ của người lớn. |

**V. Rút kinh nghiệm:**

**-** HS nắm được nội dung của bài

- HS đọc bài trôi chảy nhưng một số bạn còn chưa diễn cảm.

- HS nghiêm túc trong giờ

**-** Giáo viên đi đúng phương pháp bộ môn

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Toán**

**Tiết 83:DẤU HIỆU CHIA HẾT CHO 2**

**I. MỤC TIÊU**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**- Năng lực đặc thù:**

+ Năng lực giải quyết vấn đề toán học: Biết dấu hiệu chia hết cho 2, số chẵn, số lẻ

- Rèn học sinh kĩ năng nhận biết dấu hiệu chia hết cho 2, nhận biết số chẵn, số lẻ

+ Năng lực giao tiếp toán học: Biết chia sẻ với cô và các bạn về bài làm của mình.

**- Phẩm chất chung:** Kỉ luật, trách nhiệm. Giáo dục HS có ý thức tốt trong giờ học.

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Giáo viên:** Bảng phụ, bút dạ.

**2. Học sinh:** SGK Toán tập 1, vở ô ly, nháp.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Giáo viên** | **Hoạt động của Học sinh** |
| **1. Hoạt động Khởi động (3-4p)**  - G ghi yêu cầu bài tập lên bảng  - Gọi2 HS lên bảng làm bài tập; yêu cầu lớp làm ra nháp.  - Gọi HS nhận xét.  - GV chốt nội dung bài cũ, dẫn dắt vào bài học mới. | - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ.  - 2 HS lên bảng làm bài – Chia sẻ cách thực hiện.  **Bài 2:** Tính:   1. 24680 + 752 304   = 24680 + 228608= 253288  b) 135790 - 12126 : 258 = 135790 – 47  = 135743  - Nêu cách nhẩm |
| **2. Hoạt động Khám phá: (13-15p)**  \* Mục tiêu: **\* Mục tiêu:** Nắm được dấu hiệu chia hết cho 2  \* Cách tiến hành: Cá nhân. | |
| - ***Việc 1****:* ***Hướng dẫn HS tự tìm ra dấu hiệu chia hết cho 2.***  - Yêu cầu HS tìm vài số chia hết cho 2  -Yêu cầu HS tìm vài số không chia hết cho 2.  - GV cho HS quan sát, so sánh, đối chiếu và rút ra kết luận dấu hiệu chia hết cho 2.  *+ Các số có số tận cùng thế nào thì chia hết cho 2 ?*  *+ Các số có số tận cùng thế nào thì không chia hết cho 2 ?*  - Yêu cầu HS nêu kết luận sgk  ***\*Việc 2: Giới thiệu cho hs số chẵn số lẻ***  *+ Các số chia hết cho 2 là các số có chữ số cuối cùng (hàng đơn vị) là số chẵn hay lẻ?*  \***GV chốt**: *Các số chia hết cho 2 là các số chẵn (vì các chữ số hàng đơn vị đều là các số chẵn).*  *-* GV yêu cầu HS tự tìm ví dụ về số chẵn (số có thể gồm nhiều chữ số)  *+ Các số không chia hết cho 2 là các số có chữ số cuối cùng (hàng đơn vị) là số chẵn hay lẻ?*  **\*GV chốt lại**: *Muốn biết một số có chia hết cho 2 hay không chỉ cần xét chữ số tận cùng của số đó.*  - *GV cần giúp HS M1 +M2 nhận biết đúng được dấu hiệu chia hết cho 2 và không chia hết cho 2.* | **1. Ví dụ:**  - Các số chia hết cho 2 là:  10 : 2 = 5 36: 2 = 18  32 : 2 = 16 40 : 2 = 20  14 : 2 = 7 100 : 2 = 50  - Các số không chia hết cho 2 là:  11 : 2 = 5 dư 1 37 : 2 = 18 dư 1  3 : 2 = 1 dư 1 41 : 2 = 20 dư 1  15 : 2 = 7 dư 1 101 : 2 = 50 dư 1  *+ Các số tận cùng là 0,2,4,6,8 thì chia hết cho 2.*  *+ Các số tận cùng 1,3,5,7,9 thì không chia hết cho 2.*  - 3, 5 HS nêu kết luận  *+ Các số chia hết cho 2 là các số có chữ số cuối cùng (hàng đơn vị) là số chẵn*  - Lắng nghe  -VD: 10;16;124;166;178;1250,…  *+ Các số không chia hết cho 2 là các số có chữ số cuối cùng (hàng đơn vị) là số lẻ.*  - VD: 13;121;135;547;767,… |
| **3. Hoạt động Luyện tập - Thực hành: (13-15p)**  **a. HĐ 1: Bài 1 (6-8p)**  *\** Mục tiêu*:* Nhận biết được các số chia hết cho 2 và các số không chia hết cho 2. Lấy được VD số chia hết cho 2 và không chia hết cho 2  \* Cách tiến hành*:* | |
| - GV gọi HS nêu yêu cầu  - Gv gọi HS làm bài vào nháp  - Gọi HS chọn ra các số chia hết cho 2 và không chia hết cho 2  - GV yêu cầu HS chia sẻ trước lớp  - GV nhận xét chữa bài và kết luận đáp án đúng.  *+ Các số chia hết cho 2 có đặc điểm gì? Các số không chia hết cho 2 có đặc điểm gì?*  => Bài củng cố kiến thức gì? | - Làm cá nhân - Chia sẻ lớp  Đáp án:  a. Các số chia hết cho 2 là:  98; 1000; 744; 7536; 5782  b. Các số không chia hết cho 2 là:  35; 89; 867; 84683; 8401.  + Các số chia hết cho 2 là các số có chữ số cuối cùng (hàng đơn vị) là số chẵn    + Các số không chia hết cho 2 là các số có chữ số cuối cùng (hàng đơn vị) là số lẻ.    => Xác định các số chia hết cho 2, không chia hết cho 2 |
| **b) HĐ2: Bài 2,3**  \* Mục tiêu: Nhận biết được các số chia hết cho 2 và các số không chia hết cho 2. Lấy được VD số chia hết cho 2 và không chia hết cho 2  \* Cách tiến hành: | |
| \* HĐ cá nhân: (8-12 phút)  GV gọi HS nêu yêu cầu  - GV yêu cầu HS làm bài vào vở  a) GV yêu cầu HS viết bốn số có hai chữ số, mỗi số đều chia hết cho 2  b) Gv gọi HS viết bốn số có hai chữ số, mỗi số đều không chia hết cho 2  - GV nhận xét, đánh giá bài làm trong vở của HS  => Chốt nội dung bài:  **\*Bài 3**: a) Với ba chữ số 3; 4; 6 hãy viết các số chẵn có ba chữ số, mỗi số có cả ba chữ số đób) Với ba chữ số 3; 5; 6 hãy viết các số lẻ có ba chữ số, mỗi số có cả ba chữ số đó:  =>Bài 3 rèn kĩ năng gì? | )Ví dụ: 14; 16; 44; 98;…  b)Ví dụ: 153; 241; 379;…    a. 346; 364; 436; 634  b. 365; 563; 653; 635  => Rèn kĩ năng viết số chia hết cho 2 và không chia hết cho 2; viết số chẵn, số lẻ.  a, 346; 436; 364; 634.  b,365; 635; 653; 563.  => Rèn kĩ năng viết số chia hết cho 2 và không chia hết cho 2; viết số chẵn, số lẻ. |
| **3. Hoạt động Vận dụng - Mở rộng: (2-3p)**  \* Mục tiêu: HS vận dụng nhanh để tìm số có ba chữ số chia hểt cho 2 và không chia hết cho 2.  \* Cách tiến hành: | |
| - G tổ chức cho lớp thi đua giữa các nhóm  - G cùng lớp chốt kết quả đúng; tuyên bố đội thắng cuộc. Động viên, khen ngợi học sinh.  **4. Củng cố - dặn dò: (1-2p)**  - ? Nêu dấu hiệu chia hết cho 2 ?  - Nhận xét tiết học.  - Dặn dò: Về ôn lại bài và chuẩn bị bài tiếp theo. | - HS thực hiện theo nhóm 4. viết các số chia hết cho 2  a. 346; 364; 436; 634  b. 365; 563; 653; 635  - Nhận xét, chốt kết quả  - Các sỗ chẵn thì chia hết cho 2.  - HS trả lời  - Lắng nghe |

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

**-** HS nắm được nội dung của bài

- HS làm được các bài tập trong SGK

- HS nghiêm túc trong giờ

**-** Giáo viên đi đúng phương pháp bộ môn

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Kể chuyện**

**ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ 1 (tiết 1)**

**I. MỤC TIÊU**

+Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, nãng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

+Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng nội dung các bài tập đọc đã học từ tuần 11 đến hết tuần 17

- Hiểu nội dung chính của từng đoạn, nội dung của cả bài; nhận biết được các nhân vật trong bài tập đọc là truyện kể thuộc hai chủ điểm *Có chí thì nên, Tiếng sáo diều.*

- Đọc rành mạch, trôi chảy các bài tập đọc đã học (tốc độ đọc khoảng 80 tiếng / phút); bước đầu biết đọc diễn cảm đoạn văn, đoạn thơ phù hợp với nội dung. Thuộc ba đoạn văn, đoạn thơ đã học ở HK I.

+Phẩm chất chung: Bồi dưỡng cho học sinh tình yêu TiếngViệt, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, góp phần hình thành nhân cách con người mới xã hội chủ nghĩa.

**II.** **CHUẨN BỊ**

**1. Giáo viên:** Máy tính, máy trình chiếu.

**2. Học sinh:** Tranh ảnh sưu tầm .

**III.** **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của Giáo viên** | | | **Hoạt động của Học sinh** | | |
| **1. HĐ Khởi động (3-5p)**  - GV mời TBVN lên điều hành.  - GV dẫn dắt vào bài bài mới  - GV giới thiệu dẫn vào bài học | | | - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ**-** HShát  - HS lắng nghe. | | |
| **2. 2. Thực hành ôn tập (28p)**  **a) HĐ1: Bài 1:** Ôn luyện và học thuộc lòng  \* Mục tiêu: - Đọc rành mạch, trôi chảy bài tập đọc đã học theo tốc độ qui định giữa HKI (khoảng 75 tiếng/phút); bước đầu biết đọc diễn cảm đoạn văn, đoạn thơ phù hợp với nội dung đoạn đọc.  - Hiểu nội dung chính của từng đoạn, nội dung của cả bài; nhận biết được một số hình ảnh, chi tiết có ý nghĩa trong bài; bước đầu biết nhận xét về nhân vật trong văn bản tự sự.  \* Cách tiến hành: | | | | | |
| - GV nêu yêu cầu kiểm tra  - 3 đến 5 HS lên bốc thăm và đọc bài  - GV đặt câu hỏi về nội dung bài đọc  - GV nhận xét, cho điểm. | | | - Ông trạng thả diều  - “ Vua tàu thuỷ” Bạch Thái Bư­ởi  - Vẽ trứng  - Ngư­ời tìm đư­ờng lên các vì sao  - Văn hay chữ tốt  - Chú Đất Nung  - Rất nhiều mặt trăng  -Trong quán ăn “ Ba cá bống”  - Tuổi ngựa | | |
| **b. HĐ 2: *Bài 2. Lập bảng tổng kết***  \* Mục tiêu: HS kể được nội dung câu chuyện.  \* Cách tiến hành: | | | | | |
| - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - Hãy nêu các bài tập đọc là truyện kể trong hai chủ điểm *Có chí thì nên và Tiếng sáo diều*.  + Yêu cầu HS làm bài trong nhóm 4. GV đi giúp đỡ các nhóm gặp khó khăn.  - Nhận xét, kết luận lời giải đúng. | | | - HS đọc yêu cầu bài tập.  - 1 HS nêu: Bài tập đọc: *Ông trạng thả diều, “ Vua tàu thủy” Bạch Thái Bưởi, Vẽ trứng, Người tìm đường lên các vì sao, Văn hay chữ tốt, Chú Đất Nung, Trong quán ăn “Ba cá bống”, Rất nhiều mặt trăng.*  - HS làm bài theo nhóm.  - Báo cáo kết quả.  - Nhận xét, bổ sung. | | |
| **Tên bài** | **Tác giả** | **Nội dung chính** | | **Nhân vật** |
| *Ông trạng thả diều* | Trinh Đường | Nguyễn Hiền nhà nghèo mà hiếu học | | *Nguyễn Hiền* |
| *“Vua tàu thủy” Bạch Thái Bưởi* | Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam | Bạch Thái Bưởi từ tay trắng, nhờ có chí đã làm nên nghiệp lớn. | | *Bạch Thái Bưởi* |
| *Vẽ trứng* | Xuân Yến | Lê- ô- nác- đô đa Vin- xi kiên trì khổ luyện đã trở thành danh hoạ vĩ đại. | | *Lê- ô- nác- đô đa Vin- xi* |
| *Người tìm đường lên các vì sao* | Lê Quang Long  Phạm Ngọc Toàn | Xi- ôn- cốp- xki kiên trì theo đuổi ước mơ, đã tìm được được đường lên các vì sao. | | *Xi- ôn- cốp- xki* |
| *Văn hay chữ tốt* | Truyện đọc 1 (1995) | Cao Bá Quát kiên trì luyện viết chữ, đã nổi danh là người văn hay chữ tốt. | | *Cao Bá Quát* |
| *Chú Đất Nung*  *(phần 1- 2)* | Nguyễn Kiên | Chú bé Đất dám nung mình trong lửa đã trở thành người mạnh mẽ, hữu ích. Còn hai người bột yếu ớt gặp nước suýt bị tan ra. | | *Chú Đất Nung* |
| *Trong quán ăn “Ba cá bống”* | A- lếch- xây Tôn- xtôi | Bu- ra- ti- nô thông minh, mưu trí đã moi được bí mật về chiếc chìa khóa vàng từ hai kẻ độc ác. | | *Bu- ra- ti- nô* |
| *Rất nhiều mặt trăng*  *(phần 1- 2)* | Phơ- bơ | Trẻ em nhìn thế giới, giải thích về thế giới rất khác người lớn. | | *Công chúa nhỏ* |
| **3. HĐ Vận dụng - Mở rộng: (3-5p)**  \* Mục tiêu: HS ghi nhớ kiến thức đã ôn tập  \* Cách tiến hành: | | | | | |
| - GV gọi HS kể kể một số bài tập đọc đã học  - GV nhận xét, tuyên dương.  **4. Củng cố, dặn dò: (1-2p)**  ? Bài củng cố kiến thức gì?  - Nhận xét tiết học  + Chuẩn bị bài sau. | | | - 2, 3 HS kể.  - HS trả lời  - HS lắng nghe | | |

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

**-** HS nắm được nội dung của bài

- HS đọc bài trôi chảy nhưng một số bạn còn chưa diễn cảm.

- HS có ý thức ôn tập.

**-** Giáo viên đi đúng phương pháp bộ môn

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Đạo đức**

**ÔN TẬP VÀ THỰC HÀNH KĨ NĂNG CUỐI HỌC KÌ I**

**I.MỤC TIÊU:**

**1.Năng lực:**

+Năng lực chung: NL tự chủ và tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo;

+Năng lực đặc thù:

- Ôn tập lại các kiến thức của các bài đạo đức

- Thực hiện những hành vi, những việc làm thể hiện lòng hiếu thảo với ông bà, cha mẹ trong cuộc sống.

- Biết tỏ bày lòng kính trọng và biết ơn với thầy giáo, cô giáo.

- Tích cực tham gia các công việc ở trường, ở lớp ở nhà phù hợp với khả năng của mình.

**2. Phẩm chất:** GD HS thực hiện theo bài học

**II: Đồ dùng dạy- học**

***1. Giáo viên:*** SGK Đạo đức 4.

***2. Học sinh:*** Tranh ảnh, đồ vật để đóng vai .

**IV. Các hoạt động dạy - học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Phương pháp** | **Nội dung** |
| **1.Khởi động:***(5p)*  - Nêu tên các bài đạo đức đã học  - GV nhận xét, khen/ động viên, dẫn vào bài mới | - HS nối tiếp nêu tên |
| **2.HĐ thực hành***(30 p)*  **\* Mục tiêu:** - Thực hiện những hành vi, những việc làm thể hiện lòng hiếu thảo với ông bà, cha mẹ trong cuộc sống.  - Biết tỏ bày lòng kính trọng và biết ơn với thầy giáo, cô giáo.  - Tích cực tham gia các công việc ở trường, ở lớp ở nhà phù hợp với khả năng của mình.  **\* Cách tiến hành:** | |
| **HĐ1: Ôn lại kiến thức**  - Gv cho HS lên bắt thăm các phiếu có in sẵn câu hỏi  + Em hãy nêu một số việc làm cụ thể hằng ngày thể hiện lòng hiếu thảo với ông bà, cha mẹ?  + Nêu một số việc làm thể hiện lòng biết ơn đối với thầy cô giáo?  + Nêu một số biểu hiện thể hiện về yêu lao động?  *- Liên hệ: Em đã làm được những việc gì và chưa làm được những việc gì trong những việc vừa kể trên?*  **HĐ2: Kể chuyện theo bài học**  - Chia nhóm và giao nhiệm vụ:  + Hãy kể một câu chuyện về lòng hiểu thảo với ông bà, cha mẹ mà em biết?  + Em hãy kể một tấm gương về yêu lao động?  + Kể 1 tấm gương về kính trọng, biết ơn thầy cô giáo. | - HS lên bắt thăm và trả lời  + Việc làm thể hiện lòng hiếu thảo với ông bà, cha mẹ: Vâng lới ông bà, cha mẹ; bón cơm hay cháo cho ông bà khi ông bà ốm đau; ....  + Chăm chỉ học tập, tích cực tham gia phát biểu xây dựng bài, tích cực tham gia các hoạt động trong lớp, ...  + Biểu hiện về yêu lao động: Tham gia các công việc lao động của lớp, của trường; Tham gia dọn đường làng ngõ xóm cùng bà con cô bác, ...  - HS liên hệ bản thân  - HS thảo luận theo nhóm.  - Kể trong nhóm  - Cử đại diện kể trước lớp.  - Bình chọn bạn kể chuyện hay nhất  - Nêu bài học rút ra sau mỗi câu chuyện |
| **3. HĐ vận dụng - mở rộng ( 5-7’)**  \* Mục tiêu: HS kể được những tấm gương lao động mà em biết.  \* Cách tiến hành: | |
| - Thực hiện theo các chuẩn mực đạo đức trong bài học  - Sưu tầm các câu chuyện có nội dung liên quan đến các bài đạo đức đã học.  **C. Hoạt động tiếp nối:(3-5p)**  **? Bài củng cố kiến thức gì ?**   * Nhận xét tiết học. * Dặn dò về nhà | - Bình chọn bạn kể chuyện hay nhất  - HS nối tiêp nêu  Hs lắng nghe. |

**IV. RÚT KINH NGHIỆM:**

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Thứ ba ngày 18 tháng 1 năm 2022**

**Toán**

**Tiết 84** : **DẤU HIỆU CHIA HẾT CHO 5**

**I. MỤC TIÊU**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**- Năng lực đặc thù:**

+ Năng lực giải quyết vấn đề toán học: HS biết dấu hiệu chia hết cho 5 .

- Biết kết hợp với dấu hiệu chia hết cho 2 với dấu hiệu chia hết cho 5.

+ Năng lực giao tiếp toán học: Biết chia sẻ với cô và các bạn về bài làm của mình.

**- Phẩm chất chung:** Kỉ luật, trách nhiệm. Giáo dục HS có ý thức tốt trong giờ học.

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Giáo viên:** Bảng phụ, bút dạ.

**2. Học sinh:** SGK Toán tập 1, vở ô ly, nháp.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của Giáo viên** | | **Hoạt động của Học sinh** |
| **1. Hoạt động Khởi động (3-4p)**  - GV mời TBVN điều hành phần khởi động hát và vận động tại chỗ.  G ghi yêu cầu bài tập lên bảng  - Gọi4 HS lên bảng làm bài tập; yêu cầu lớp làm ra nháp.  - Gọi HS nhận xét.  - GV chốt nội dung bài cũ, dẫn dắt vào bài học mới. | | - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ.  - 4 HS lên bảng làm bài – Chia sẻ cách thực hiện.  **Bài 1** ( Tr3- VBT ) :  a) Các số chia hết cho 2 là: 108; 200; 904; 6012; 70126  b) Các số không chia hết cho 2 là: 65; 79; 213; 98717; 7621.  **Bài 4:** Với ba chữ số 6; 8; 5:  a) Hãy viết các số chẵn có ba chữ số, mỗi số có cả ba chữ số đó: 658; 568; 856; 586  b) Hãy viết các số lẻ có ba chữ số , mỗi số có cả ba chữ số đó: 685; 865 |
| **2. Hoạt động Khám phá: (13-15p)**  \* Mục tiêu: Nắm được dấu hiệu chia hết cho 5  \* Cách tiến hành: | | |
| - GV kẻ bảng lớp thành hai phần.  - Chia lớp thành hai đội, mỗi đội chọn ra 10 HS lên tham gia tìm số.  + Đội 1 tìm các số chia hết cho 5.  + Đội 2 tìm các số không chia cho 5.  - YC mỗi HS trong đội tìm 1 số, ghi vào phần bảng của mình sau đó truyền phấn cho bạn trong đội.  - Em đẫ tìm các số chia hết cho 5 như thế nào?  - Yêu cầu hs đọc lại các số chia hết cho 5 và yêu cầu hs nhận xét về chữ số tận cùng bên phải của các số này.  - Những số không có chữ số tận cùng là không hoặc 5 thì có chia hết cho 5 không? Cho ví dụ?  - GV: Vậy muốn biết một số có chia hết cho 5 hay không ta có thể dựa vào dấu hiệu gì?  **+ GV chốt lại**: *Muốn biết một số có chia hết cho 5 hay không chỉ cần xét chữ số tận cùng bên phải nếu là 0 hay 5 thì số đó chia hết cho 5; chữ số tận cùng khác 0, 5 thì số đó không chia hết cho 5.* | **1. Ví dụ: *1. Ví dụ:***  - Các số chia hết cho 5 là: 15, 35, 10, 25, 40, 200, 105,....  - Các số không chia hết cho 5 là: 12, 13, 19, 27, 34, 51...   |  |  | | --- | --- | | 20 : 5 = 4  30 : 5 = 6  40 : 5 = 8  15 : 5 = 3  25 : 5 = 5  35 : 5 = 7 | 41 : 5 = 8 (dư 1)  32 : 5 = 6 (dư 2)  53 : 5 = 10 (dư 3)  44 : 5 = 8 (dư 4)  46 : 5 = 9 (dư 1)  37 : 5 = 7 (dư 2)  58 : 5 = 11 (dư 3)  19 : 5 = 3 (dư 4) |     -HS tiếp nối nhau tìm các số chia hết cho 5 và không chia hết cho 5.  - 1-2 HS trả lời trước lớp.  - Các số chia hết cho 5 có chữ số bên phải là 0 hoặc 5.  - Những số không có tận cùng là 0 hoặc 5 thì không chia hết cho 5.  - Ví dụ: 13 :5 = 2 ( dư 3 )  - HS trả lời, vài HS nhắc lại.  - Nghe và nối tiếp nêu lại dấu hiệu chia hết cho 5 | |
| **3. Hoạt động Luyện tập - Thực hành: (13-15p)**  **a. HĐ 1: Bài 1, 2 (12-15p)**  *\** **Mục tiêu:** Nhận biết dấu hiệu chia hết cho 5 và vận dụng làm bài tập. Kết hợp được dấu hiệu chia hết cho 2 và 5  **\* Cách tiến hành***:* | | |
| **\* Hoạt động cá nhân: (7- 8p)**  - Gọi HS nêu yêu cầu  ? Bài yêu cầu gì ?  - GV hướng dẫn.  - Gọi HS làm bài vào vở, 1 HS làm bảng phụ.  (Trong khi HS làm bài, GV quan sát, cho HS làm xong trước, làm bài tập 2,3)  - GV gọi 1 số em trả lời miệng.  - GV gọi HS nhận xét.  - GV chữa bài trên bảng phụ.  - GV chữa bài trên bảng phụ.  ? Bài củng cố kiến thức gì? | - Làm cá nhân - Chia sẻ lớp  **\*Bài 1:** Trong các số: 35; 8; 57; 660; 4674; 3000; 945; 5553.  a) Các số chia hết cho 5 là:  35; 660; 3000; 945.  b) Các số không chia hết cho 5 là:  8; 57; 4674; 5553  => Củng cố cách xác định các số chia hết cho 5, không chia hết cho 5. | |
| **b) HĐ2: Bài 3, 4**  \* Mục tiêu: Nhận biết được các số chia hết cho 5 và các số không chia hết cho 5. Lấy được VD số chia hết cho 5 và không chia hết cho 5  \* Cách tiến hành: CN- N - L | | |
| **\*Bài 3**: Với ba chữ số 0,5,7 3 hãy viết các số chẵn có ba chữ số, mỗi số có cả ba chữ số đó và đều chia hết cho 5:  =>Bài rèn kĩ năng gì?  - Gọi HS nêu yêu cầu.  ? Bài yêu cầu gì?  - GV hướng dẫn và tổ chức cho HS thi làm theo nhóm bàn  - Các nhóm thảo luận, làm bài.  - YC Mỗi nhóm cử một em lên thi làm.  -GV nhận xét và lớp , tuyên dương.  ? Các số có dấu hiệu như thế nào thì vừa chia hết cho 5 vừa chia hết cho 2  => Chốt nội dung bài: | Các số lập được là: 750; 570; 705;  - Ghi nhớ dấu hiệu chia hết cho 5  .  => Rèn kĩ năng viết số chia hết cho 5  **\*Bài 4:** Trong các số: 35; 8; 57; 660; 945; 5553; 3000  a) Số vừa chia hết cho 5 vừa chia hết cho 2 là: 660; 3000.  b) Số chia hết cho 5 nhưng không chia hết cho 2 là: 35; 945.  => Rèn kĩ năng viết số chia hết cho 2 và không chia hết cho 2; viết số chẵn, số lẻ. | |
| **3. Hoạt động Vận dụng - Mở rộng: (2-3p)**  \* Mục tiêu: HS vận dụng nhanh cách tìm số chia hết cho 5.  \* Cách tiến hành: | | |
| - G tổ chức cho lớp thi đua giữa các nhóm  - G cùng lớp chốt kết quả đúng; tuyên bố đội thắng cuộc. Động viên, khen ngợi học sinh.  **4. Củng cố - dặn dò: (1-2p)**  - G hỏi: Bài học giúp con biết thêm kiến thức gì?  + Khi thực hiện tính con cần chú ý điều gì?  - GV chốt kiến thức bài học.  - Nhận xét tiết học.  - Dặn dò: Về ôn lại bài và chuẩn bị bài tiếp theo. | - HS thực hiện theo nhóm 4. viết các số chia hết cho 5  a. 345; 360; 435; 630  b. 365; 560; 650; 635  - Nhận xét, chốt kết quả  - HS trả lời  - Lắng nghe | |

**VI, RÚT KINH NGHIỆM:**

**-** HS nắm được nội dung của bài

- HS nghiêm túc trong giờ

**-** Giáo viên đi đúng phương pháp bộ môn

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

## VỊ NGỮ TRONG CÂU KỂ “AI LÀM GÌ?”

**I. MỤC TIÊU**

**1.Năng lực:**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**- Năng lực đặc thù**:

+ Năng lực ngôn ngữ : Nắm được kiến thức cơ bản để phục vụ cho việc nhận biết vị ngữ trong câu kể *Ai làm gì?* (ND ghi nhớ).

- Nhận biết và bước đầu tạo được câu kể *Ai làm gì?* theo yêu cầu cho trước, qua thực hành luyện tập (mục III).

+ Năng lực văn học: **:** Giáo dục HS biết yêu tiếng Việt, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, biết sử dụng đúng các từ ngữ trong khi nói và viết.

- HS có thái độ học tập tích cực

**II.** **CHUẨN BỊ**

**1. Giáo viên:** Máy tính, máy trình chiếu.

**2. Học sinh:** Vở bài tập, SGK.

**III.** **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Hoạt động Khởi động (3-5p)**  - Gv cho hs chơi trò chơi “Chiếc hộp bí mật”.Trả lời câu hỏi:  + Câu kể gồm mấy bộ phận đó là những bộ nào?  + Đặt câu kể ai làm gì nói về việc học tập của em ở trường?  - GV nhận xét đánh giá- chốt bài cũ. | - LPHT điều hành, tổ chức cho lớp chơi trò chơi. Lớp trả lời - nhận xét:  - Câu kể có hai bộ phận: Chủ ngữ và vị ngữ....  - VD: ở trường, em chú ý nghe cô giáo giảng bài. |
| **2.2. HĐ 1 khám phá** *:*Bài 1, 2(30p)  **\* Mục tiêu:** Nắm được vị ngữ câu kể Ai làm gì ?(ND ghi nhớ)  \* Cách tiến hành**: Cá nhân-Nhóm-Cả lớp** | |
| - 2 em đọc yêu cầu và nội dung bài .  - Một HS đọc đoạn văn tả hội đua voi.  - HS đọc 4 yêu cầu của bài tập.  \* Yêu cầu HS thực hiện yêu cầu 1:  + Cả lớp đọc thầm đoạn văn, tìm các câu kể theo mẫu Ai làm gì? phát biểu ý kiến  - HS khác nhận xét  + vì sao các câu còn lại không phải là câu kể Ai làm gì ?  - GV nghe, chốt lại ý kiến đúng  \* GV nêu yêu cầu 2, 3  - Gv hướng dẫn nắm yêu cầu  - HS suy nghĩ làm bài vào vở.  - 2 HS lên bảng làm vào bảng phụ  - GV và cả lớp chốt lại lời giải đúng  + Dựa vào nội dung bài tập trên cho biết  vị ngữ trong câu kể Ai làm gì ? có ý nghĩa gì ?  - 2-3 HS nhắc lại  \* GV nêu yêu cầu 4  - HS Suy nghĩ, chọn ý đúng, phát biểu ý kiến .  - GV nhận xét, chốt ý đúng.  + Vị ngữ trong câu kể *Ai làm gì* có ý nghĩa gì ? Do từ ngữ nào tạo thành...?  - 3 em đọc nội dung ghi nhớ, nêu ví dụ. | Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:  Hàng trăm con voi..... thật tưng bừng.  ***1. Tìm câu kể ai làm gì trong đoạn văn trên.***  - Đoạn văn có 6 câu, 3 câu đầu là những câu kể “Ai làm gì?  ***2, 3. Xác định vị ngữ trong mỗi câu vừa tìm được. Nêu ý nghĩa của vị ngữ.***   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Câu | Vị ngữ | ý nghĩa của vị ngữ | | 1. Hàng trăm con voi đang tiến về bãi. | đang tiến về bãi | Nêu hoạt động của vật trong câu. | | 2. Ng­ười các buôn làng kéo về nườm nượp. | kéo về nườm nượp | Nêu hoạt động của người | | 3. Mấy anh thanh niên khua chiêng rộn ràng. | Khua chiêng rộn ràng | Nêu hoạt động của người |   - Vị ngữ trong câu kể Ai làm gì ? nêu lên hoạt động của người, con vật (đồ vật, cây cối được nhân hoá)  ***4. Cho biết vị ngữ trong các câu trên do từ ngữ nào tạo thành.***  - ý b: Do động từ và các từ kèm theo nó (cụm động từ) tạo thành.  **II. Ghi nhớ: ( sgk)**  - Ví dụ: Bà em đang quét sân. |
| **3. HĐ thực hành** *(18p)* **Bài tập 1 + 2**  \* Mục tiêu:  - Nhận biết được vị ngữ trong câu kể Ai làm gì?  \* Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm – Lớp | |
| \* HS đọc yêu cầu, xác định yêu cầu  - HS làm bài vào vở.  - 1 số em làm bài trên phiếu.  - HS trình bày bài trên phiếu.  - GV cùng cả lớp nhận xét, chốt lại lời giải đúng.  ? Vị ngữ trong các câu trên có ý nghĩa gì ?  \* HS đọc yêu cầu, xác định yêu cầu  - Gv hướng dẫn HS làm  - HS làm bài cá nhân  - HS trình bày kết quả  - GV và HS chữa bài.  - Gọi HS nhắc lại các câu vừa ghép  \* HS đọc yêu cầu, xác định yêu cầu  - HS quan sát tranh chú ý nói từ 3 -5 câu miêu tả hoạt động các nhân vật trong tranh.  - HS nối tiếp nhau đọc câu văn của mình.  - GV và HS nhận xét, sửa cách dùng từ, diễn đạt cho HS | ***Bài 1:*** Tìm câu “Ai làm gì?” trong đoạn văn, xác định vị ngữ trong câu vừa tìm được.   |  |  | | --- | --- | | Câu | vị ngữ | | 3. Thanh niên ... rừng. | đeo gùi vào rừng.. | | 4. Phụ nữ ... nước. | giặt giũ bên giếng nước. | | 5. Em nhỏ... sàn. | đùa vui trước nhà sàn. | | 6. Các cụ... rượu cần. | chụm đầu...rượu cần. | | 7. Các bà,... khung cửi | sửa soạn bên khung cửi. |   ***Bài 2:*** Ghép các từ ở cột A với các từ ở cột B để tạo thành câu kể “Ai làm gì?”  **A B**   |  |  | | --- | --- | | Đàn cò trắng  Bà em  Bộ đội | bay lượn trên cánh đồng.  giúp dân gặt lúa.  kể chuyện cổ tích. |   Bài 3: Quan sát tranh vẽ dưới đây rồi nói từ 3-5 câu kể Ai làm gì ? miêu tả hoạt động của các nhân vật trong tranh.  - VD: Trên sân trường, các bạn nam đang đá cầu. Các bạn nữ đang nhảy dây. Một số bạn ngồi dưới gốc cây đọc truyện. .... |
| **3. Hoạt động Vận dụng - Mở rộng: (5 - 6p)**  \* Mục tiêu:  -Tìm 1 đoạn văn trong chương trình SGK và xác định vị ngữ trong câu kể Ai làm gì?  \* Cách tiến hành: | |
| - GV cho học sinh đọc yêu cầu, xác định yêu cầu  **4. Củng cố - dặn dò: (1-2p)**  + Vị ngữ trong câu kể “Ai làm gì?” thường do loại từ nào đảm nhiệm? Nó có ý nghĩa gì?  - GV nhận xét giờ học  - Dặn dò HS. | - H thực hiện  - HS trả lời  - Vị ngữ trong câu kể Ai làm gì do động từ và cụm động từ đảm nhiệm, Nó nêu lên hoạt động của người, vật,.....  - Về nhà học bài, chuẩn bị bài sau: .... |

**IV. Rút kinh nghiệm:**

**-** HS nắm được nội dung của bài

- HS làm được các bài tập trong SGK

- Một số HS còn ít xung phong xây dựng bài

**-** Giáo viên đi đúng phương pháp bộ môn

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**KHOA HỌC**

**KHÔNG KHÍ CẦN CHO SỰ CHÁY**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết không khí cần để duy trì sự cháy.

- Nêu được ứng dụng thực tế liên quan đến vai trò của không khí đối với sự cháy: thổi bếp lửa cho lửa cháy to hơn, dập tắt lửa khi có hoả hoạn, ...

**2. Năng lực:**

**- NL chung:** Tự chủ và tự học trong học tập; NL giao tiếp và hợp tác,NL phát hiện và làm rõ vấn đề và hợp tác chiếm lĩnh kiến thức.

- **NL đặc thù:** Năng lực khoa học , năng lực thể chất

**3. Phẩm chất :** Chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

*\*KNS: - Bình luận về cách làm và kết quả quan sát*

*- Phân tích, phán đoán, so sánh, đối chiếu*

*- Quản lí thời gian trong quá trình thí nghiệm.*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Hình 70, 71 (sgk)

- HS: Các đồ dùng thí ngiệm theo nhóm.

**2.Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: quan sát, hỏi đáp, thảo luận, trò chơi học tập, thí nghiệm

- KT: Động não, chia sẻ nhóm đôi, tia chớp

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt đông của giáo viên** | **Hoạt đông của của học sinh** |
| **1. Khởi động *(4p)*** | - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ. |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:** HS làm thí nghiệm để chứng tỏ: Càng có nhiều không khí thì càng có nhiều ô- xi để duy trì sự cháy được lâu hơn. Muốn sự cháy diễn ra liên tục thì không khí phải được lưu thông  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm –Lớp** | |
| **HĐ1: Vai trò của ô- xi đối với sự cháy:**  **Bước 1**: Tổ chức và hướng dẫn  + GV kiểm tra dụng cụ thí nghiệm.  + Yêu cầu HS đọc mục *Thực hành* trang 70 SGK để biết cách làm  **Bước 2**: Yêu cầu HS làm TN theo nhóm như chỉ dẫn SGK.  **Bước 3**:  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  ***\* KL: Càng có nhiều không khí thì càng có nhiều ô- xi để duy trì sự cháy lâu hơn. Không khí có ô- xi nên cần không khí để duy trì sự cháy. Khí ni –tơ trong không khí nó không duy trì sự cháy nhưng giữ cho sự cháy trong không khí xảy ra không quá nhanh và quá mạnh.***  **HĐ2: Cách duy trì sự cháy và ứng dụng trong cuộc sống**:  **Bước 1**: Tổ chức và hướng dẫn  + GV kiểm tra dụng cụ thí nghiệm  + Yêu cầu HS đọc mục *Thực hành* trang 70, 71 SGK để biết cách làm  **Bước 2**: Yêu cầu HS làm TN theo nhóm như chỉ dẫn SGK.  \* GV có thể yêu cầu HS liên hệ:  + Cách nhóm bếp củi.  + Làm thế nào để tắt ngọn lửa?  **Bước 3:** Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  ***\* KL: Để duy trì sự cháy cần liện tục cung cấp khồng khí. Nói cách khác, không khí cần được lưu thông.***  - Nhận xét, khen/ động viên HS **3. HĐ ứng dụng *(1p)***  **4. HĐ sáng tạo *(1p)*** | **Nhóm 4 – Lớp**  - HS tiến hành TN  + Nhóm trưởng báo cáo việc chuẩn bị của nhóm.  + HS đọc mục thực hành SGK  + HS làm thí nghiệm theo nhóm và quan sát sự cháy của các ngọn nến. Nhận xét và giải thích về kết quả của thí nghiệm theo mẫu:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Kích thước lọ | Thời gian cháy | Giải thích | | 1.Lọ nhỏ | Thời gian cháy ít hơn | Lọ nhỏ thì có ít không khí ... | | 2.Lọ to | Thời gian cháy lau hơn | Lọ to có nhiều không khí thì sự cháy được duy trì lâu hơn.. |   + Đại diện các nhóm báo cáo kết quả làm việc.  + Nhận xét, bổ sung.  + Nhóm trưởng báo cáo việc chuẩn bị của nhóm.  + HS đọc mục thực hành SGK  + HS làm thí nghiệm như mục 1, 2 trang 70 SGK và trả lới câu hỏi SGK.  + Theo thí nghiệm hình 3: ngọn nến chỉ cháy được một thời gian ngắn rồi tắt do hết khí ô- xi trong không khí.  + Thí nghiệm ở hình 4 ngọn nến không bị tắt mà sự cháy được duy trì liên tục không khí ở ngoài tràn vào, tiếp tục cung cấp khí ô- xi để duy trì sự cháy.  + Đại diện các nhóm báo cáo kết quả làm việc.  + Nhận xét, bổ sung.  - HS liên hệ  - HS báo cáo  - Lắng nghe  - Ghi nhớ vai trò của không khí với sự cháy  - Giải thích tại sao khi củi, rơm ướt thì sẽ không bắt lửa? |

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

**-** HS nắm được nội dung của bài

- HS có ý thức ôn tập.

**-** Giáo viên đi đúng phương pháp bộ môn

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Thứ tư ngày 19 tháng 01 năm 2022**

**Toán**

**Tiết 85: LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực:**

**- Năng lực chung**: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**- Năng lực đặc thù:**

+ Năng lực giải quyết vấn đề toán học: Củng cố kiến thức về dấu hiệu chia hết cho 2, cho 5

- Vận dụng dấu hiệu chia hết cho 2 và dấu hiệu chia hết cho 5.

- Nhận biết được số vừa chia hết cho 2 vừa chia hết cho 5 trong một tình huống đơn giản.

+ Năng lực tư duy - lập luận logic toán học: NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* Bài tập cần làm: Bài 1a

+ Năng lực giao tiếp toán học: Biết nêu ý tưởng và giải pháp khi thảo luận nhóm làm bài tập.

**2. Phẩm chất:** Rèn sự cẩn thận, chính xác khi thực hiện phép chia cho số có 3 chữ số.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: - Phiếu nhóm, bảng phụ

- HS: - Vở BT, SGK,

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của Giáo viên** | | **Hoạt động của Học sinh** |
| **1. HĐ Khởi động (3-4p)**  - Gv tổ chức cho hs chơi trò chơi ***Hái hoa (theo yêu cầu)***  + GV phổ biến luật chơi: chia lớp thành 3 tổ, mỗi tổ cử 1 bạn đại diện lên chơi. Lượt 1 nhặt những bông hoa có gắn số Thực hiện theo yêu cầu của GV. (Lần 1 GV nêu yc chia hết cho 2. Sau đó lượt hai GV yêu cầu tìm các số chia hết 5).Tổ nào nhặt được nhiều hoa hơn theo đúng yêu cầu sẽ thắng cuộc.  + Lượt 1: GV đưa ra các bông hoa gắn số như sau: 14; 19; 22; 25; 39; 45; 100; 145; 151; 726; 1308…..  + Lượt 2: GV đưa ra các bông hoa gắn số: 75; 94; 91; 105; 777; 888; 1995  - Giáo viên nhận xét, chốt đáp án đúng.  - Gv hướng dẫn vào bài: *Vừa rồi cô trò chúng mình cùng nhau ôn tập lại kiến thức dấu hiệu chia hết cho 2; dấu hiệu chia hết cho 5. Để khắc sâu kiến thức hơn nữa cô trò chúng ta cùng đi học bài ngày hôm nay.* | | - LPHT điều hành lớp chơi trò chơi  - Hs ổn định nhóm, thảo luận, cử đại diện lên tham gia trò chơi.  - HS nhận xét.  Đáp án: Lượt 1: 14; 22; 100; ….  Lượt 2: 75; 105;…  **-** HS chơi.  - HS nhận xét kết quả.  - Lắng nghe |
| **2. HĐ Luyện tập - Thực hành:**  **\* Mục tiêu:**  Vận dụng dấu hiệu chia hết cho 2 và dấu hiệu chia hết cho 5. Nhận biết được số vừa chia hết cho 2 vừa chia hết cho 5 trong một tình huống đơn giản.  **a. HĐ 1: Bài 1(10p)**  \* Cách tiến hành: HĐ cá nhân | | |
| - GV yc hs đọc yêu cầu, xác định yêu cầu  -GV yc HS làm bài cá nhân  - Gọi HS chia sẻ ND bài, cách  + Nêu dấu hiệu chia hết cho 2?  + Nêu dấu hiệu chia hết cho 5?  - GV nhận xét và chốt lại ý đúng .  ? Bài tập 1 rèn cho các con kĩ năng gì ? | | **\*Bài 1:** Trong các số: 3457; 4568; 66418; 2050; 2229; 3576; 900; 2355.  a. Các số chia hết cho 2 là:  4568; 66418; 2050; 3576; 900.  b. Các số chia hết cho 5 là:  2050; 900; 2355.  => Củng cố cách nhận biết các số chia hết cho 2, các số chia hết cho 5. |
| **b. HĐ 2: Bài 2 (5p)**  \* Mục tiêu: Vận dụng các dấu hiệu chia hết cho 2 và cho 5 để viết các số theo yêu cầu  \* Cách tiến hành: HĐ cặp đôi | | |
| -Gv HS đọc yêu cầu, xác định yêu cầu  - GV gọi 2 HS lên bảng làm bài  - Lớp làm vở.  - Tự đổi chéo vở để kiểm tra.  - Nhận xét chữa bài  ? Bài củng cố kiến thức gì? | | **\*Bài 2:** Hãy viết ba số:  a. Có ba chữ số và chia hết cho 2 là: 452; 326; 570.  b. Có ba chữ số và chia hết cho 5 là: 275; 140; 245.  => Vận dụng các dấu hiệu chia hết cho 2 và cho 5 để viết các số theo yêu cầu |
| **b. HĐ 2: Bài 2 (5p)**  \* Mục tiêu: Vận dụng các dấu hiệu chia hết cho 2 và cho 5 để viết các số theo yêu cầu  \* Cách tiến hành: HĐ cá nhân | | |
| - GV yc HS đọc yêu cầu .  GV yc hs làm bài vào vở.  - GV kết luận đáp án đúng.  *+ Nêu dấu hiệu cùng chia hết cho 2 và 5?*  - GV chốt kiến thức bài  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét chốt. | | **\*Bài 3:**Trong các số: 345; 480; 296; 341; 2000; 3995; 9010; 324.  a) Số vừa chia hết cho 2 vừa chia hết cho 5: 480, 2000, 9010.  b) Số chia hết cho 2 nhưng không chia hết cho 5: 296, 324.  c) Số chia hết cho 5 nhưng không chia hết cho 2: 345, 3995.  HS nêu  => Dựa vào dấu hiệu chia hết cho 2 và |
| **3.** **HĐ Vận dụng - Mở rộng**: **(2p)**  \* Mục tiêu: HS biết vận dụng bài học vào thực tế cuộc sống .  \* Cách tiến hành: HĐ Cá nhân. | | |
| Lấy VD về số chia hết cho 2 nhưng không chia hết cho 5 và số chia hết cho 5 nhưng không chia hết cho 2 | - HS thực hiện | |
| **4. Củng cố, dặn dò:(3p)**  ? Tiết học củng cố những kiến thức gì ?  - GV nhận xét giờ học, dặn dò HS. | - Ghi nhớ dấu hiệu chia hết cho 2, cho 5  - 3 HS lần lượt nhắc lại.  - Hoàn thành các bài tập tiết Luyện tập chung trong sách BT toán  - Về nhà ôn bài, làm bài tập trong VBT. | |

**IV. Rút kinh nghiệm:**

**-** HS nắm được nội dung của bài

- Một số HS còn ít xung phong xây dựng bài

**-** Giáo viên đi đúng phương pháp bộ môn

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Tập làm văn**

**LUYỆN TẬP XÂY DỰNG ĐOẠN VĂN MIÊU TẢ ĐỒ VẬT**

**I. MỤC TIÊU**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**- Năng lực đặc thù:**

+ Năng lực ngôn ngữ: Nhận biết được đoạn văn thuộc phần nào trong bài văn miêu tả, nội dung miêu tả của từng đoạn, dấu hiệu mở đầu đoạn văn (BT1); viết được đoạn văn tả hình dáng bên ngoài, đoạn văn tả đặc điểm bên trong của chiếc cặp sách (BT2, BT3).

**- Phẩm chất chung:** Yêu thích văn học, có thói quen đọc sách, truyện.

**- Tích hợp:theo CV( 3969)**

*\* KỸ NĂNG :*

*- An toàn sử dụng thiết bị điện*

*- Kĩ năng sử dụng intrenet*

*- Kĩ năng ứng xử trên mạng xã hội*

*- Hạn chế sử dụng thiết bị sau giờ học*

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Giáo viên:** Máy tính, máy chiếu. Giấy khổ to, bút dạ.

**2. Học sinh:** Vở bài tập, tranh ảnh, truyện sưu tầm theo nội dung của đề tài kể chuyện.

**IV.** **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Giáo viên** | **Hoạt động của Học sinh** |
| **1. Hoạt động Khởi động (3-5p)**  Gọi hai HS trả lời câu hỏi:  ? Nêu cấu tạo cơ bản của bài văn miêu tả đồ vật? Làm thế nào để nhận biết đoạn văn?  - GV nhận xét, khen những HS trả lời đúng.  - GV nêu mục tiêu, yêu cầu bài học mới  - GV dẫn dắt, giới thiệu bài học. | TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét.  *+*Một bài văn miêu tả đồ vật có ba phần: Mở bài, thân bài, kết bài. Khi viết hết mỗi đoạn văn cần chấm xuống dòng. |
| **2. Hoạt động 1. Luyện tập***:(15p)*  **\*Mục tiêu:** Nhận biết được đoạn văn thuộc phần nào trong bài văn miêu tả, nội dung miêu tả của từng đoạn, dấu hiệu mở đầu đoạn văn (BT1); viết được đoạn văn tả hình dáng bên ngoài, đoạn văn tả đặc điểm bên trong của chiếc cặp sách (BT2, BT3).  **\* Cách tiến hành: .** | |
| - Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung.  - Gọi HS trao đổi thực hiện yêu cầu.  - Yêu cầu HS chia sẻ bài trước lớp  - GV nhận xét kết luận đáp án đúng.  \*Lưu ý trợ giúp HS M1 xác định phần thân bài | **Bài 1**: Đọc các đoạn văn và trả lời câu hỏi…  - **Hoạt động cá nhân-> cả lớp**  -Thống nhất ý kiến:  a. Các đoạn văn trên đều thuộc phần thân bài trong bài văn miêu tả.  b. Đoạn 1: Đó là một chiếc cặp … long lanh (Tả hình dáng bên ngoài của chiếc cặp).  + Đoạn 2: Quai cặp làm bằng sắt… chiếc ba lô. (Tả quai cặp và dây đeo).  + Đoạn 3: Mở cặp ra em thấy… thước kẻ (Tả cấu tạo bên trong của cặp ).  c. Nội dung miêu tả của từ ngữ đoạn được báo hiệu bằng những từ:  + Đoạn 1: màu đỏ tươi…  + Đoạn 2: Quai cặp…  + Đoạn 3: Mở cặp ra… |
| **b. HĐ2**: Bài 2:  \* Mục tiêu: Hs viết được đoạn văn văn miêu tả hình dáng bên ngoài của cái cặp.  \* Cách tiến hành: | |
| - Yc HS nêu yêu cầu và gợi ý  - Yc HS quan sát chiếc cặp của mình.  **\* GV lưu ý HS**:  + Chỉ viết 1 đoạn văn, miêu tả hình dáng bên ngoài chiếc cặp của em hoặc của bạn em.  + Cần chú ý miêu tả đặc điểm riêng của chiếc cặp.  + Đặt cặp trước mặt để quan sát.  -Yc HS viết bài, trình bày  - GV cùng HS nhận xét. | Bài 2: Hãy quan sát kĩ chiếc cặp của em hoặc của bạn emvà viết một đoạn văn miêu tả đặc điểm bên ngoài của chiếc cặp đó.  **Hoạt động cá nhân-> cả lớp**  - Quan sát cặp, đọc gợi ý  - HS lắng nghe,...  - HS viết bài cá nhân -> chia sẻ bài viết  - HS nhận xét, góp ý:  +Tả bao quát mặt ngoài chiếc cặp  +Tả chi tiết quai xách hoặc dây đeo  +Tả chi tiết khóa cặp  - Khen bạn viết hay, sáng tạo |
| **3. Hoạt động 3: Bài 3:**  \* Mục tiêu: HS viết được đoạn văn miêu tả đồ vật.  \* Cách tiến hành: Cá nhân | |
| -**Bài 3:**  GV lưu ý HS:  - Đề bài chỉ yêu cầu tả bên trong chiếc cặp.  - GV nhận xét, đánh giá bài viết của một số HS -> Tuyên dương HS viết bài tốt. | **\*** Quan sát cặp, đọc phần gợi ý  - HS viết bài cá nhân.  - HS đổi chéo bài cùng tham khảo bài viết |
| **3. Hoạt động Vận dụng - Mở rộng: (3-5p)**  \* Mục tiêu: Viết đoạn văn tả các bộ phận khác của chiếc cặp.  \* Cách tiến hành: | |
| - G tổ chức cho các nhóm viết và trình bày sản phẩm cuảnhóm mình  - Nhận xét, tuyên dương.  **4. Củng cố - dặn dò: (2-3p)**  ? Bài học hôm nay củng cố những kiến thức gì?  - GV nhận xét giờ học, dặn dò học sinh. | - Các nhóm thực hiện  - HS từng nhóm đọc .  - Củng cố kĩ năng viết đoạn văn trong bài văn miêu tả. |

**IV. Rút kinh nghiệm:**

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Chính tả( Nghe- viết)**

**MÙA ĐÔNG TRÊN RẺO CAO**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Năng lực:**

- Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực đặc thù:

+ Năng lực ngôn ngữ: Nghe - viết lại đúng chính tả, trình bày đúng một đoạn văn*,* bài viết không mắc quá 5 lỗi trong bài đúng và trình bày bài chính tả sạch sẽ, đúng qui định .

+ NL thẩm mĩ: Biết trình bày đúng, đẹp. Không mắc quá 5 lỗi trong bài viết.

+ Năng lực giải quyết vấn đề: Làm đúng BT2 và BT (3) a/b.

2. Phẩm chất:

- Chăm chỉ học tập và có ý thức rèn chữ viết đẹp

**3. Tích hợp:theo CV( 3969)**

*\* KỸ NĂNG :*

*- An toàn sử dụng thiết bị điện*

*- Kĩ năng sử dụng intrenet*

*- Kĩ năng ứng xử trên mạng xã hội*

*- Hạn chế sử dụng thiết bị sau giờ học*

**\*GDMT**: HS thấy được nét đẹp của thiên nhiên vùng núi cao trên đất nước ta. Từ đó , thêm yêu quý môi trường thiên nhiên.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Giáo viên:** Bảng phụ ghi bài 1; vở bài tập.

**2. Học sinh:** VBT Tiếng việt 4, tập1.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Giáo viên** | **Hoạt động của Học sinh** |
| **1. HĐ Khởi động (3-5p)**  - GV mời TBVN điều hành cho lớp hát và vận động tại chỗ.  - GV gọi 2 HS lên bảng thi viết các từ*: nhảy dây, múa rối, giao bóng, ...*  - GV nhận xét, chữa bài. Gt và dẫn vào bài | - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ.  - 2 HS viết các từ lên bảng, lớp viết ra giấy nháp. |
| **2. HĐ Khám phá: (25p)**  **a. HĐ1: Chuẩn bị viết chính tả:** *(6p)*  \* Mục tiêu:  HS hiểu được nội dung bài CT, viết được các từ khó, dễ lẫn và các hiện tượng chính tả.  \* Cách tiến hành: | |
| - GV đọc bài viết 1 lần  Trao đổi về nội dung đoạn cần viết  - Gọi HS đọc đoạn văn cần viết  *+ Những dấu hiệu nào cho biết mùa đông đã về với rẻo cao?*  *+ GDBVMT: Thiên nhiên của vùng núi cao có nét đẹp gì?*  ***\* Mỗi vùng miền trên đất nước đều có những vẻ đẹp riêng, chúng ta cần trân quý và giữ gìn những vẻ đẹp ấy***  - Hướng dẫn viết từ khó: Gọi HS nêu từ khó, sau đó GV đọc cho HS luyện viết.  ? Nêu những từ phải viết hoa?  ? Những từ nào trong bài dễ viết sai?  - GV gọi 2 HS viết từ khó trên bảng, lớp viết nháp  - GV gọi HS nhận xét bài viết trên bảng, GV chữa. | - HS theo dõi bài chính tả.  - 2, 3 học sinh đọc.  -1 HS đọc- HS lớp đọc thầm  *+ Mây theo các sườn núi trườn xuống, mưa bụi, hoa cải nở vàng trên sườn đồi, nước suối cạn dần những chiếc lá cuối cùng lìa cành.*  *+ các đám mưa bụi, hoa cải vàng, những con suối,....*  - Lắng nghe  *-* HS nêu từ khó viết*: trườn xuống, lá chít bạc, khua lao xao, lìa cành, dải sỏi cuội,.....*  *-* Viết từ khó vào vở nháp HS thảo luận (2p) và báo cáo trước lớp  - 1 hs đọc lại bài viết. Cả lớp đọc 1 lần  - HS nhận xét bài viết trên bảng. |
| **b. HĐ2: HS viết bài (12p)**  **\* Mục tiêu:** Hs nghe - viết lại đúng chính tả, trình bày đúng một đoạn văn*,* bài viết không mắc quá 5 lỗi trong bài  \* Cách tiến hành: | |
| - GV lưu ý với HS trước khi viết (ngồi, cầm bút, ...) và cách viết bài (Chữ đầu tiên lùi 1 ô và viết hoa)  - GV đọc bài cho HS viết, lưu ý HS đọc nhẩm các cụm từ để viết cho chính xác (Đọc 3 lần)  - GV đọc lại cho HS soát lỗi chính tả. | - HS lắng nghe và thực hiện.  - HS nghe - viết bài vào vở  - HS soát lỗi. |
| **c. HĐ3: Nhận xét, chữa bài (3-5p)**  \* Mục tiêu: Giúp HS tự đánh giá được bài viết của mình và của bạn. Nhận ra các lỗi sai và sửa sai.  \* Cách tiến hành: | |
| - GV nhận xét 3-5 bài viết của HS.  - GV yêu cầu HS đổi chéo vở soát lỗi cho nhau.  - GV nhận xét nhanh về bài viết của HS | - HS xem lại bài của mình, dùng bút chì gạch chân lỗi viết sai. Sửa lại xuống cuối vở bằng bút mực  - Trao đổi bài (cặp đôi) để soát hộ nhau.  - HS lắng nghe. |
| **3. HĐ Luyện tập - Thực hành: (5-6p)**  **a**) HĐ1: Làm bài tập chính tả: *(5p)* (3p)  \* Mục tiêu: Giúp HS phân biệt được l/n  \* Cách tiến hành: Cá nhân- Cặp đôi- Chia sẻ trước lớp . | |
| - GV gọi HS đọc yêu cầu bài - xác định yêu cầu  - GV yêu cầu HS làm bài VBT, 2HS làm bảng phụ (2p)  - Chữa bài, nhận xét.  - Gọi hs đọc đoạn văn đã điền hoàn chỉnh.  ? Nêu nội dung đoạn văn?  - GV nhận xét. | **Bài 2a:** Tìm và viết các từ ngữ chứa tiếng bắt đầu bằng l/n  **a) loại** nhạc ngủ**, lễ** hội**, nổi** tiếng  Đáp án:  giấc mộng, làm người, xuất hiện, nửa mặt, lấc láo, cất tiếng, lên tiếng, nhấc, đất, lảo đảo, thật dài, nắm tay.  - Viết lại 5 lần các từ viết sai trong bài chính tả |
| **b. HĐ2: Bài 3 (3p)**  \* Mục tiêu: HS chọn đúng từ viết đúng chính tả trong ngoặc đơn để hoàn chỉnh câu văn  \* Cách tiến hành: | |
| - GV gọi 1 HS đọc yêu cầu, .  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm (2p)  Gvyêu cầu đại diện nhóm báocáo kết quả  - GV nhận xét, tuyên dương. | - Giấc mộng – làm người – xuất hiện – nửa mặt – lấc láo – cất tiếng – lên tiếng – nhắc chàng – đất – lảo đảo – thật dài – nắm tay. |
| **4. HĐ Vận dụng - Mở rộng: (3-5p)**  \* Mục tiêu: HS biết vận dụng bài học vào thực tiễn.  \* Cách tiến hành: | |
| - GV yêu cầu HS- Lấy VD để phân biệt các tiếng âc/ ât  - GV nhận xét.  **5. Củng cố - dặn dò: (1-2p)**  ? Nêu lại cách trình bày bài?  - GV nhận xét giờ học.  - Dặn dò: Tự luyện chữ viết cho đẹp. | - 2, 3 HS lên bảng viết, nhận xét.  - Gấc / tất  giấc /lất  nấc /rất  - Đầu bài viết chữ cỡ nhỡ ...  - Chữ đầu tiên lùi 1 ô và viết hoa, ... |

**IV. Rút kinh nghiệm:**

**-** HS nắm được nội dung của bài

- Một số HS tích cực xây dựng bài

**-** Giáo viên đi đúng phương pháp bộ môn

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

Toán

**Tiết86:DẤU HIỆU CHIA HẾT CHO 9**

**I. MỤC TIÊU**

**- Năng lực chung:** Góp phần hình thành và phát triển năng lực tự chủ và tự học; năng lực giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- **Năng lực đặc thù:**

+ Năng lực tư duy và lập luận toán học: Biết dấu hiệu chia hết cho 9.

+ Năng lực giải quyết vấn đề toán học: Bước đầu biết vận dụng dấu hiệu chia hết cho 9 trong một số tình huống đơn giản.

+ Năng lực giao tiếp toán học: HS nghe hiểu, biết trao đổi, chia sẻ với các bạn trong nhóm để làm được các bài tập.

**- Phẩm chất chung**: Chăm chỉ: Giáo dục HS ý thức ham học hỏi; thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Giáo viên:** Trò chơi, bảng phụ (máy tính, máy chiếu).

**2. Học sinh:** SGK, vở ô li

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Giáo viên** | **Hoạt động của Học sinh** |
| **1. HĐ Khởi động (3-4p)**  - HS chơi trò chơi: Hộp quà bí mật  ? Viết hai số có ba chữ số vừa chia hết cho 2 vừa chia hết cho 5?  ? Nêu dấu hiệu chia hết cho 2, 5?  - GV nhận xét.  - GV giới thiệu vào bài. | - HS tham gia trò chơi dưới sự điều hành của nhóm trưởng  + VD: 120; 230; 970;.....  + Các số có tận cùng là chữ số 0.  - Lắng nghe. |
| **2. Hoạt động Khám phá (10-12p)**  \* Mục tiêu: Nhận biết dấu hiệu chia hết cho 9.  \* Cách tiến hành: | |
| \*GV hướng dẫn cho HS phát hiện ra dấu hiệu chia hết cho 9.  - GV cho HS nêu các VD về các số chia hết cho 9, các số không chia hết cho 9, viết thành 2 cột(SGK): Cột bên trái ghi các phép tính chia hết cho 9, cột bên phải ghi các phép tính không chia hết cho 9.  - GV hướng sự chú ý của HS vào cột bên trái để tìm ra đặc điểm của các số chia hết cho 9.  - GV gợi ý để HS đi đến tính nhẩm tổng các chữ số của các số ở cột bên trái (có tổng các chữ số chia hết cho 9) và rút ra nhận xét: “Các số có tổng các chữ số chia hết cho 9 thì chia hết cho 9”.  - GV cho từng HS nêu dấu hiệu ghi chữ đậm trong bài học, rồi cho HS nhắc lại nhiều lần.  - GV cho HS tính nhẩm tổng các chữ số của các số ghi ở cột bên phải và nêu nhận xét: “Các số có tổng các chữ số không chia hết cho 9 thì không chia hết cho 9”.  ? Muốn biết một số có chia hết cho 9 hay không ta làm thế nào?  - GV lưu ý lại: Những số có tổng các chữ số không chia hết cho 9 thì không chia hết cho 9. | - HS tự viết vào vở nháp - Chia sẻ trước lớp.  18: 9 = 2 20: 9 = 2 (dư 1)  72: 9 = 8 74: 9 = 8 (dư 2)  657: 9 = 73 451: 9 = 50 (dư 1)  - HS thảo luận nhóm 2, phát hiện đặc điểm. VD:  18: 9 = 2  Ta có: 1 + 8 = 9 và 9: 9 = 1  72: 9 = 8  Ta có: 7 + 2 = 9 và 9: 9 = 1  657: 9 = 73  Ta có: 6 + 5 + 7 = 18 và 18: 9 = 2  - HS nêu: **Các số có tổng các chữ số chia hết cho 9 thì chia hết cho 9.**  20 : 9 = 2 (dư 2)  Ta có: 2 + 0 = 2; và 2 : 9 (dư 2)  74: 9 = 8 (dư 2)  Ta có: 7 + 4 = 11 và 11 : 9 = 1 (dư 2)  451: 9 = 50 (dư 1)  Ta có: 4 + 5 + 1= 10 và 10: 9 = 1 (dư 1)  -Để biết một số có chia hết cho 9 hay không, ta phải tính tổng các chữ số của số đó.  - Lắng nghe. |
| **3. Hoạt động Luyện tập – Thực hành (15-18p)**  **a.HĐ1: (8-10p)Bài 1.** Trong các số sau, số nào chia hết cho 9?  99; 1999; 108; 5643; 29 385.  \* Mục tiêu: Bước đầu biết vận dụng dấu hiệu chia hết cho 9 trong một số tình huống đơn giản.  \* Cách tiến hành: | |
| - Gọi HS nêu yêu cầu, xác định yêu cầu.  - Yêu cầu HS làm vào vở, 1 em làm trên bảng.  ? Giải thích tại sao các số trên lại chia hết cho 9.  ? Vì sao số 1999 không chia hết cho 9?  - GV chốt đáp án, củng cố dấu hiệu chia hết cho 9. | - HS nêu yêu cầu, xác định yêu cầu.  - HS làm vào vở, 1 em làm trên bảng.  - Nhận xét.  Đáp án:  Số chia hết cho 9 là: 99; 108; 5643;  29385.  - 4 HS giải thích.  - 1 HS giải thích.  - Lắng nghe. |
| **b. HĐ2: (8-10p)Bài 2.** Trong các số sau, số nào không chia hết cho 9?  96; 108; 7853; 5554; 1097.  \* Mục tiêu: Bước đầu biết vận dụng dấu hiệu chia hết cho 9 trong một số tình huống đơn giản.  \* Cách tiến hành: | |
| - Gọi HS nêu yêu cầu.  ? Bài yêu cầu gì?  - 1hs lên bảng làm. Giải thích cách làm?  ? Dựa vào dấu hiệu nào con biết các số trên không chia hết cho 9?  - Lớp và GV nhận xét. | - HS nêu yêu cầu, xác định yêu cầu.  - HS làm vào vở, 1 em làm trên bảng.  - Nhận xét.  Đáp án:  Các số không chia hết cho 9 là: 96, 7853, 5554, 1097.  - Giải thích tại sao các số trên không chia hết cho 9.  - Lắng nghe. |
| **3. HĐ Vận dụng - Mở rộng: (3-4p)**  \* Mục tiêu:Giúp HS vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề tương tự trong học tập.  \* Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức trò chơi: Hái hoa dân chủ  + GV nêu tên trò chơi.  + GV phổ biến luật chơi: Mỗi bông hoa có chứa một số có liên quan đến dấu hiệu chia hết cho 2,5 và 9.VD: 342; 350; 945; 999; ...  + GV tổ chức HS chơi  - GV tổng kết, tuyên dương.  **4. Củng cố - dặn dò: (1-2p)**  ? Nêu dấu hiệu chia hết cho 9?  ? Dấu hiệu nào không chia hết cho 9?  - Nhận xét tiết học. Dặn dò: Ghi nhớ dấu hiệu chia hết cho 9và chuẩn bị bài tiếp theo. | - HS lắng nghe  - HS tham gia chơi  - HS lắng nghe  - Các số có tổng các chữ số chia hết cho 9 thì chia hết cho 9.  - Những số có tổng các chữ số không chia hết cho 9 thì không chia hết cho 9.  - HS lắng nghe |

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

**-** HS nắm được nội dung của bài

- HS làm các bài tập khá tốt

**-** Giáo viên đi đúng phương pháp bộ môn

**Kĩ thuật**

**CẮT, KHÂU, THÊU SẢN PHẨM TỰ CHỌN(Tiết 4)**

**I. MỤC TIÊU**

**- Năng lực chung:** NL tự chủ và tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo;

**- Năng lực đặc thù:**

+ NL giải quyết vấn đề và sáng tạo:Ôn tập các kiến thức về cắt, khâu, thêu. Sử dụng được một số dụng cụ, vật liệu cắt, khâu, thêu để tạo thành sản phẩm đơn giản. Có thể chỉ vận dụng hai trong ba kĩ năng cắt, khâu, thêu đã học.

+ NL thẩm mĩ: Cảm nhận vẻ đẹp và giá trị của sản phẩm mình làm ra.

+ NL làm việc nhóm: Tính cẩn thận, an toàn khi thực hành

**- Phẩm chất chung:** HS có ý thức giữ gìn, bảo quản đồ dùng học tập. Yêu thích, quý trọng sản phẩm mình làm ra.

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Giáo viên:** Vải, phấn, kéo, thước.

**2. Học sinh:**Bộ đồ dùng kĩ thuật lớp 4.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động Khởi động (2-3p)**  - GV mời ban VN khởi động.  - Kiểm tra sự chuẩn bị đồ dùng của HS  - Giới thiệu vào bài mới. | - LPVN điều hành cả lớp hát 1 bài.  - HS để bộ đồ dùng kĩ thuật lên bàn. |
| **2. HĐ Luyện tập -Thực hành:(28-30p)**  **a. HĐ1: Thực hành cắt, khâu, thêu**  \* Mục tiêu: Vận dụng kiến thức cắt, khâu, thêu để tạo sản phẩm có tính ứng dụng trong cuộc sống  \* Cách tiến hành: | |
| - HS tự chọn sản phẩm và thực hành làm sản phẩm tự chọn.  - Nêu yêu cầu thực hành và hướng dẫn chọn sản phẩm: sản phẩm tự chọn được thực hiện bằng cách vận dụng những kĩ thuật cắt khâu thêu đó học.  - GV quan sát và hướng dẫn những HS còn lúng túng | - HS lựa chọn tùy theo khả năng và ý thíchđể thực hành.  - HS bắt đầu thêu:  + Khâu thường.  + Khâu đột.  + Khâu lướt vặn.  + Thêu móc xích |
| **b. HĐ 2:Đánh giá kết quả học tập**  \* Mục tiêu: HS cảm nhận vẻ đẹp và giá trị của sản phẩm mình làm ra và biết cách đánh giá sản phẩm của bản thân và của bạn.  \* Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức cho HS trưng bày sản phẩm thực hành.  \* Tiêu chí đánh giá:  - Hoàn thành sản phẩm:  + Sản phẩm đúng kĩ thuật có nhiều sáng tạo.  + Thể hiện rõ năng khiếu khâu thêu  + Mũi khâu, thêu tương đồi đều, phẳng.  + Hoàn thành sản phẩm đúng thời hạn.  - Ch­ưa hoàn thành:  + Sản phẩm khâu, thêu ch­ưa xong.  + Sản phẩm thêu mắc nhiều lỗi.  + Đư­ờng khâu thêu xấu.  - GV nhận xét, đánh giá kết quả học tập.  - GV cho HS quan sát các sản phẩm đẹp. | - HS trưng bày các sản phẩm của mình đã hoàn thành.  - HS tự đánh giá sản phẩm của mình và của bạn. |
| **3. Hoạt động Vận dụng - Mở rộng (3-5p)**  \* Mục tiêu: Biết vận dụng kĩ thuật khâu để thực hành.  \* Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức HS khâu một sản phẩm mình yêu thích.  - GV quan sát giúp đỡ HS.  - Nhận xét sản phẩm của HS.  **4. Củng cố - Dặn dò (1-2p)**  ? GV gọi hs nêu công dụng của việc cắt, khâu, thêu?  - GV nhận xét giờ học. Dặn dò: Tiếp tục tạo các sản phẩm đẹp và lạ mắt từ cắt, khâu, thêu. | - HS thực hành  - Lao động tự phục vụ trong đời sống ...  - Lắng nghe, ghi nhớ. |

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**LỊCH SỬ**

**KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Thứ năm ngày 20 tháng 01 năm 2022**

Toán

**Tiết 87:DẤU HIỆU CHIA HẾT CHO 3**

**I. MỤC TIÊU**

**- Năng lực chung:** Góp phần hình thành và phát triển năng lực tự chủ và tự học; năng lực giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**- Năng lực đặc thù:**

+ Năng lực tư duy và lập luận toán học: Biết dấu hiệu chia hết cho 3.

+ Năng lực giải quyết vấn đề toán học: Bước đầu biết vận dụng dấu hiệu chia hết cho 3 trong một số tình huống đơn giản.

+ Năng lực giao tiếp toán học: HS nghe hiểu, biết trao đổi, chia sẻ với các bạn trong nhóm để làm được các bài tập.

**- Phẩm chất chung**: Chăm chỉ: Giáo dục HS ý thức ham học hỏi; thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Giáo viên:** Trò chơi, bảng phụ (máy tính, máy chiếu).

**2. Học sinh:** SGK, vở ô li

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Giáo viên** | **Hoạt động của Học sinh** |
| **1. Hoạt động Khởi động (2-3p)**  ? Nêu dấu hiệu chia hết cho 9?  ? Lấy VD về số chia hết cho 9?  - GV nhận xét.  - GV dẫn vào bài mới, ghi tên bài. | -TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét.  - Những số chia hết cho 9 là những số có tổng các chữ số là số chia hết cho 9.  - HS lấy ví dụ.  - Lắng nghe. |
| **2. Hoạt động Khám phá (10-12p)**  \* Mục tiêu: Nắm được dấu hiệu chia hết cho 3.  \* Cách tiến hành: | |
| \* GV hướng dẫn để HS tìm ra các số chia hết cho 3.  - GV yêu cầu HS chọn các số chia hết cho 3 và các số không chia hết cho 3 tương tự như các tiết trước.  - GV yêu cầu HS đọc các số chia hết cho 3 trên bảng và tìm ra đặc điểm chung của các số này.  - GV yêu cầu HS tính tổng các chữ số của các số chia hết cho 3.  \* Đó chính là các số chia hết cho 3.  ? Hãy nêu dấu hiệu chia hết cho 3?  - GV yêu cầu HS tính tổng các chữ số không chia hết cho 3 và cho biết những tổng này có chia hết cho 3 không?  ? Vậy muốn kiểm tra một số có chia hết cho 3 không ta làm thế nào?  ? Hãy so sánh dấu hiệu chia hết cho 3 với dấu hiệu chia hết cho 9.  ? Phân biệt với dấu hiệu chia hết cho 2 và 5 đã học?  - GV chốt nội dung kiến thức bài học. | - HS chia vở nháp thành 2 cột, cột chia hết và cột chia không hết.  - Các số chia hết cho 3: 63, 123, 90, 18, ...  Ví dụ: 63: 3 = 21  Ta có 6 + 3 = 9 và 9: 3 = 3  **+ Các số có tổng các chữ số chia hết cho 3 thì chia hết cho 3.**  Ví dụ: 91: 3 = 30 (dư 1)  Ta có: 9 + 1 = 10 và 10: 3 = 3 (dư 1)  - Ta tính tổng các chữ số của nó nếu tổng đó chia hết cho 3 thì số đó chia hết cho 3, nếu tổng các chữ số đó không chia hết cho 3 thì số đó không chia hết cho 3.  + Giống: Đều dựa vào tổng các chữ số có trong số đó.  + Khác: Số chia hết cho 9 tổng có các chữ số chia hết cho 9. Còn số chia hết cho 3 có tổng các chữ số có trong số đó chia hết cho 3.  -Dấu hiệu chia hết cho 2 và 5 không dựa vào tổng các chữ số có trong số đó mà xét chữ số tận cùng.  - Lắng nghe. |
| **3. Hoạt động Luyện tập – Thực hành (15-18p)**  **a. HĐ1: (8-10p) Bài 1.** Trong các số sau, số nào chia hết cho 3?  231; 109; 1872; 8 225; 92 313.  \* Mục tiêu: Bước đầu biết vận dụng dấu hiệu chia hết cho 3 trong một số tình huống đơn giản.  \* Cách tiến hành: | |
| - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - Yêu cầu HS làm bài.  ? Tại sao em biết các số đó chia hết cho 3?  - GV chốt đáp án, củng cố dấu hiệu chia hết cho 3. | - HS nêu yêu cầu, xác định yêu cầu.  - Thực hiện cá nhân – Chia sẻ lớp  Đáp án:  Các số chia hết cho 3 là: 231, 1872, 92313.  - Vì các số đó có tổng các chữ số là số chia hết cho 3. VD: Số 231 có tổng các chữ số là: 2 + 3 + 1 = 9. 9 chia hết cho 3  - Lắng nghe. |
| **b. HĐ2: (8-10p)Bài 2.** Trong các số sau, số nào không chia hết cho 3?  96; 502; 6823; 55553; 641311.  \* Mục tiêu: Bước đầu biết vận dụng dấu hiệu chia hết cho 3 trong một số tình huống đơn giản.  \* Cách tiến hành: | |
| - Gọi HS nêu yêu cầu xác định yêu cầu.  - GV yêu cầu.  - GV nhận xét, đánh giá bài làm trong vở của HS.  - GV chốt đáp án. | - HS nêu yêu cầu xác định yêu cầu.  - HS làm bài vào vở, 1 HS lên bảng làm bài.  - Nhận xét.  Đáp án:  Các số không chia hết cho 3 là: 502, 55553, 641311. |
| **3. HĐ Vận dụng - Mở rộng: (3-4p)**  \* Mục tiêu:Giúp HS vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề tương tự trong học tập.  \* Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức trò chơi: Hái hoa dân chủ  + GV nêu tên trò chơi.  + GV phổ biến luật chơi: Mỗi bông hoa có chứa một số có liên quan đến dấu hiệu chia hết cho 2,5,9 và 3.VD: 1242; 333; 1955; 2850; 453; 999; 108; ...  + GV tổ chức HS chơi  - GV tổng kết, tuyên dương.  **4. Củng cố - dặn dò: (1-2p)**  ? Nêu dấu hiệu chia hết cho 3?  ? Dấu hiệu nào không chia hết cho 3?  - Nhận xét tiết học. Dặn dò: Ghi nhớ dấu hiệu chia hết cho 3và chuẩn bị bài tiếp theo. | - HS lắng nghe  - HS tham gia chơi  - HS lắng nghe  - Các số có tổng các chữ số chia hết cho 3 thì chia hết cho 3.  - Những số có tổng các chữ số không chia hết cho 3 thì không chia hết cho 3.  - HS lắng nghe |

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

Luyện từ và câu

**ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I(Tiết 2)**

**I. MỤC TIÊU**

**- Năng lực chung:** Góp phần hình thành và phát triển năng lực tự chủ và tự học; năng lực giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**- Năng lực đặc thù:**

+ Năng lực ngôn ngữ:Đọc đúng nội dung các bài tập đọc đã học từ tuần 11 đến hết tuần 17.Đọc rành mạch, trôi chảy các bài tập đọc đã học (tốc độ đọc khoảng 80-85 tiếng/phút); bước đầu biết đọc diễn cảm đoạn văn, đoạn thơ phù hợp với nội dung. Thuộc ba đoạn văn, đoạn thơ đã học ở HK I.

+ Năng lực văn học: Biết đặt câu có ý nhận xét về nhân vật trong bài tập đọc đã học (BT2); bước đầu biết dùng thành ngữ, tục ngữ đã học phù hợp với tình huống cho trước (BT3).

**- Phẩm chất chung:** Chăm chỉ: Giáo dục HS yêu thích môn học, góp phần hình thành nhân cách con người mới xã hội chủ nghĩa.

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Giáo viên:**Phiếu ghi tên các bài tập đọc, giấy khổ to kẻ sẵn bảng ở tập 2.

**2. Học sinh:** SGK, VBT

**IV.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Giáo viên** | **Hoạt động của Học sinh** |
| **1. HĐ Khởi động (3-4p)**  - Yêu cầu cán sự lớp điều hành các bạn trò chơi “Truyền điện”  ? Kể tên các bài tập đọc thuộc chủ điểm “Có chí thì nên”?  - GV nhận xét  - GV giới thiệu, ghi đầu bài. | - Cán sự lớp điều hành  - Tuần 11: Ông Trạng thả diều  Có chí thì nên.  - Tuần 12: “Vua tàu thủy” Bạch Thái Bưởi  Vẽ trứng  - Tuần 13: Người tìm đường lên các vì sao  Văn hay chữ tốt.  - HS lắng nghe |
| **2. HĐ Luyện tập (28p)**  **a. HĐ1: Kiểm tra tập đọc và học thuộc lòng: (10p)**  \* Mục tiêu:Đọc rành mạch, trôi chảy các bài tập đọc đã học (tốc độ đọc khoảng 80-85 tiếng/phút); bước đầu biết đọc diễn cảm đoạn văn, đoạn thơ phù hợp với nội dung. Thuộc ba đoạn văn, đoạn thơ đã học ở HK I.  \* Cách tiến hành: | |
| - Tổ chức kiểm tra: yêu cầu từng hs lên bốc thăm tên bài đọc, bốc được bài nào đọc bài đó.  - Sau mỗi lần HS đọc bài, GV đặt câu hỏi về nội dung bài HS đọc, yêu cầu trả lời các câu hỏi đó.  - GV nhận xét, khen/ động viên trực tiếp từng HS. | - HS lên bảng bốc bài đọc: HS đọc bài và trả lời câu hỏi kiểm tra của GV.  1. *Bài* **Ông Trạng thả diều** (Tiếng Việt 4/1, trang 104)  2. *Bài*  **“Vua tàu thủy” Bạch Thái Bưởi** (Tiếng Việt 4/2, trang 115)  3. *Bài*  **Vẽ trứng** (Tiếng Việt 4/1, trang 120)  4. *Bài*  **Người tìm đường lên các vì sao** (Tiếng Việt 4/1, trang 125)  5. *Bài*  **Văn hay chữ tốt** (Tiếng Việt 4/1, trang 129)  6. *Bài*  **Chú Đất Nung** (Tiếng Việt 4/1, trang 134)  7. *Bài*  **Chú Đất Nung** (Tiếng Việt 4/1, trang 138)  8. *Bài*  **Cánh diều tuổi thơ** (Tiếng Việt 4/1, trang 146)  9. *Bài*  **Kéo co** (Tiếng Việt 4/1, trang 155)  10. *Bài*  **Rất nhiều mặt trăng** (Tiếng Việt 4/1, trang 163)  - HS lắng nghe |
| **b. HĐ2: Bài 2 (8p). Bài 2:** Đặt câu với những từ ngữ thích hợp để nhận xét các nhân vật em đã biết qua các bài tập đọc.  \* Mục tiêu: Biết đặt câu có ý nhận xét về nhân vật trong bài tập đọc đã học.  \* Cách tiến hành: | |
| - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - Yêu cầu HS tự làm bài, sau đó đọc câu của mình đặt. HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV sửa lỗi dùng từ, diễn đạt cho từng HS.  ? Em học được điều gì từ các nhân vật trong bài?  - GV nhận xét, tuyên dương HS. | - HS đọc yêu cầu bài tập.  - Thực hiện theo yêu cầu của GV:  - HS trao đổi nhóm 2 nhận xét về tính cách của mỗi nhân vật  - Đặt câu cá nhân - Chia sẻ trước lớp:  VD:  a. Nhờ thông minh, ham học và có chí, Nguyễn Hiền đã trờ thành Trạng nguyên trẻ nhất nước ta.  b. Lêô-nác-đô đa Vin-xi kiên nhẫn, khổ công luyện vẽ mới thành tài.  c. Xi-ôn-cốp-xki là người đầu tiên ở nước Nga tìm cách bay vào vũ trụ.  d. Cao Bá Quát rất kì công luyện viết chữ.  e. Bạch Thái Bưởi là nhà kinh doanh tài ba, chí lớn.  - HS nối tiếp nêu:  + Em học được tính kiên trì, ý chí, nghị lực,....  - Lắng nghe. |
| **c. HĐ3:Bài 3: (10p).** Em chọn thành ngữ, tục ngữ nào để khuyến khích hoặc khuyên nhủ bạn:  \* Mục tiêu: Bước đầu biết dùng thành ngữ, tục ngữ đã học phù hợp với tình huống cho trước.  \* Cách tiến hành: | |
| - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - Yêu cầu HS trao đổi, thảo luận cặp đôi và viết các thành ngữ, tục ngữ vào vở.  - Gọi HS trình bày, HS khác nhận xét.  - Nhận xét chung, kết luận lời giải đúng. | - HS đọc yêu cầu bài tập.  - Thực hiện theo yêu cầu của GV  a) Nếu bạn có quyết tâm học tập, rèn luyện cao:  - Có chí thì nên.  - Có công mài sắt, có ngày nên kim.  - Người có chí thì nên.  Nhà có nền thì vững.  b) Nếu bạn nản lòng khi gặp khó khăn:  - Chớ thấy sóng cả mà rã tay chèo.  - Lửa thử vàng, gian nan thử sức.  - Thất bại là mẹ thành công.  - Thua keo này, bày keo khác.  c) Nếu bạn em dễ thay đổi ý định theo người khác:  - Ai ơi đã quyết thì hành.  Đã đan thì lận tròn vành mới thôi!  - Hãy lo bền chí câu cua.  Dù ai câu chạch, câu rùa mặc ai!  - Đứng núi này trông núi nọ.  - Lắng nghe. |
| **3. HĐ Vận dụng - Mở rộng: (3-4p)**  \* Mục tiêu: Hs đọc diễn cảm được một đoạn văn và trả lời câu hỏi.  \* Cách tiến hành: | |
| - Gọi HS đọc đoạn 3 từ “Vào đời … thì giờ chơi diều” trong bài tập đọc Ông Trạng thả diều và trả lời câu hỏi: Tìm những chi tiết nói lên tư chất thông minh của Nguyễn Hiền?  - Gọi HS đọc đoạn 3 từ “Bưởi mồ côi … nản chí” trong bài tập đọc “Vua tàu thủy” Bạch Thái Bưởi và trả lời câu hỏi: Theo em, nhờ đâu Bạch Thái Bưởi thành công?  **4. Củng cố dặn dò: (1-2p)**  - Nhận xét tiết học.  - Dặn dò: Về ôn lại các bài tập đọc học thuộc lòng chuẩn bị cho tiết kiểm tra cuối HKI. | - HS đọc bài và trả lời câu hỏi.  - HS đọc bài và trả lời câu hỏi.  - Lắng nghe. |

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

**IV. Rút kinh nghiệm:**

**-** HS nắm được nội dung của bài

- HS rèn đọc diễn cảm khá tốt

**-** Giáo viên đi đúng phương pháp bộ môn

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

Chính tả

**ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I(Tiết 3)**

**I. MỤC TIÊU**

**- Năng lực chung:** Góp phần hình thành và phát triển năng lực tự chủ và tự học; năng lực giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**- Năng lực đặc thù:**

+ Năng lực ngôn ngữ: Đọc rành mạch, trôi chảy bài tập đọc đã học theo tốc độ quy định giữa học kì I (khoảng 75 tiếng/phút). Bước đầu biết đọc diễn cảm đoạn văn, đoạn thơ phù hợp với nội dung đoạn đọc.

+ Năng lực văn học: Nắm được các kiểu mở bài, kết bài trong bài văn kề chuyện; Bước đầu viết được đoạn mở bài gián tiếp, kết bài mở rộng cho bài văn kể chuyện ông Nguyễn Hiền (BT2).

**- Phẩm chất chung:**Trung thực: Giáo dục HS sống trung thực trong học tập và trong cuộc sống.

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Giáo viên:**Máy tính, máy chiếu.

**2. Học sinh:** SGK, VBT

**IV.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Giáo viên** | **Hoạt động của Học sinh** |
| **1. HĐ Khởi động (3-4p)**  - Yêu cầu cán sự lớp điều hành các bạn trò chơi “Truyền điện”  ? Kể tên các bài tập đọc thuộc chủ điểm “Tiếng sáo diều”?  - GV nhận xét  - GV giới thiệu, ghi đầu bài. | - Cán sự lớp điều hành  - Tuần 14: Chú Đất Nung  Chú Đất Nung (tiếp theo)  - Tuần 15: Cánh diều tuổi thơ  Tuổi Ngựa  - Tuần 16: Kéo co  Trong quán ăn “Ba cá bống”  - Tuần 17: Rất nhiều mặt trăng  Rất nhiều mặt trăng (tiếp theo)  - HS lắng nghe |
| **2. HĐ Luyện tập (28p)**  **a. HĐ1: Kiểm tra tập đọc và học thuộc lòng: (10-14p)**  \* Mục tiêu:Đọc rành mạch, trôi chảy các bài tập đọc đã học (tốc độ đọc khoảng 80-85 tiếng/phút); bước đầu biết đọc diễn cảm đoạn văn, đoạn thơ phù hợp với nội dung. Thuộc ba đoạn văn, đoạn thơ đã học ở HK I.  \* Cách tiến hành: | |
| - Tổ chức kiểm tra: yêu cầu từng hs lên bốc thăm tên bài đọc, bốc được bài nào đọc bài đó.  - Sau mỗi lần HS đọc bài, GV đặt câu hỏi về nội dung bài HS đọc, yêu cầu trả lời các câu hỏi đó.  - GV nhận xét, khen/ động viên trực tiếp từng HS. | - HS lên bảng bốc bài đọc: HS đọc bài và trả lời câu hỏi kiểm tra của GV.  1. *Bài* **Ông Trạng thả diều** (Tiếng Việt 4/1, trang 104)  2. *Bài*  **“Vua tàu thủy” Bạch Thái Bưởi** (Tiếng Việt 4/2, trang 115)  3. *Bài*  **Vẽ trứng** (Tiếng Việt 4/1, trang 120)  4. *Bài*  **Người tìm đường lên các vì sao** (Tiếng Việt 4/1, trang 125)  5. *Bài*  **Văn hay chữ tốt** (Tiếng Việt 4/1, trang 129)  6. *Bài*  **Chú Đất Nung** (Tiếng Việt 4/1, trang 134)  7. *Bài*  **Chú Đất Nung** (Tiếng Việt 4/1, trang 138)  8. *Bài*  **Cánh diều tuổi thơ** (Tiếng Việt 4/1, trang 146)  9. *Bài*  **Kéo co** (Tiếng Việt 4/1, trang 155)  10. *Bài*  **Rất nhiều mặt trăng** (Tiếng Việt 4/1, trang 163)  - HS lắng nghe |
| **b. HĐ2: Bài 2 (12-14p). Bài 2:** Cho đề tập làm văn sau: *“Kể chuyện ông Nguyễn Hiền”*. Em hãy viết:a) Phần mở bài theo kiểu gián tiếp.  b) Phần kết bài theo theo kiểu mở rộng.  \* Mục tiêu: Nắm được các kiểu mở bài, kết bài trong bài văn kể chuyện; bước đầu viết được mở bài gián tiếp, kết bài mở rộng cho bài văn kể chuyện ông Nguyễn Hiền  \* Cách tiến hành: | |
| - Gọi HS nêu yêu cầu bài tập và xác định yêu cầu.  ? Thế nào là mở bài theo kiểu gián tiếp?  ? Thế nào là kết bài theo kiểu mở rộng?  - Yêu cầu HS làm việc cá nhân.  - Gọi HS trình bày, GV sửa lỗi dùng từ, diễn đạt cho HS.  - GV nhận xét.  ? Ai có mở bài hay nhất?  ? Em thích kết bài của ai? Tại sao?  - GV nhận xét, tuyên dương HS. | - HS đọc yêu cầu bài tập.  + **Mở bài gián tiếp**: nói chuyện khác để dẫn vào câu chuyện định kể.  **+ Kết bài mở rộng**: sau khi cho biết kết cục câu chuyện, có lời bình luận thêm về câu chuyện.  - HS viết phần mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng cho câu chuyện về ông Nguyễn Hiền.  - 4, 5 HS trình bày. VD:  a) **Mở bài gián tiếp**: Nước ta có những thần đồng bộc lộ tài năng từ nhỏ. Đó là trường hợp của chú bé Nguyễn Hiền. Nhà ông rất nghèo, ông phải bỏ học nhưng vì là người có ý chí vươn lên ông đã tự học và đỗ Trạng nguyên năm 13 tuổi. Câu chuyện xảy ra vào đời vua Trần Nhân Tông.  b) **Kết bài mở rộng**: Câu chuyện về vị Trạng nguyên trẻ nhất nước Nam ta làm em càng thấm thía hơn những lời khuyên của người xưa: Có chí thì nên; Có công mài sắt có ngày nên kim.  - HS trả lời. |
| **3. HĐ Vận dụng - Mở rộng: (3-4p)**  \* Mục tiêu: Hs đọc diễn cảm được một đoạn văn và trả lời câu hỏi.  \* Cách tiến hành: | |
| - Gọi HS đọc đoạn 3 từ “Đúng là … vì sao?” trong bài tập đọc Người tìm đường lên các vì sao và trả lời câu hỏi: Nguyên nhân chính nào giúp Xi-ôn-cốp-xki thành công?  - Gọi HS đọc đoạn từ “Thuở đi học … sẵn lòng” trong bài tập đọc Văn hay chữ tốt và trả lời câu hỏi: Vì sao Cao Bá Quát thường bị điểm kém?  **4. Củng cố dặn dò: (1-2p)**  - Nhận xét tiết học.  - Dặn dò: Về ôn lại các bài tập đọc học thuộc lòng chuẩn bị cho tiết kiểm tra cuối HKI. | - HS đọc bài và trả lời câu hỏi.  - HS đọc bài và trả lời câu hỏi.  - Lắng nghe. |

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

Toán

**Tiết 88: LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU**

**- Năng lực chung:** Góp phần hình thành và phát triển năng lực tự chủ và tự học; năng lực giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**- Năng lực đặc thù:**

+ Năng lực tư duy và lập luận toán học: Củng cố dấu hiệu chia hết cho 2; 3; 5; 9.

+ Năng lực giải quyết vấn đề toán học: Bước đầu biết vận dụng dấu hiệu chia hết cho 9, dấu hiệu chia hết cho 3, vừa chia hết cho 2 vừa chia hết cho 5, vừa chia hết cho 2 vừa chia hết cho 3 trong một số tình huống đơn giản.

+ Năng lực giao tiếp toán học: HS nghe hiểu, biết trao đổi, chia sẻ với các bạn trong nhóm để làm được các bài tập.

**- Phẩm chất chung**: Chăm chỉ: Giáo dục HS thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Giáo viên:** Bảng phụ, trò chơi

**2. Học sinh:** SGK, vở toán.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của Giáo viên** | | **Hoạt động của Học sinh** |
| **1. HĐ Khởi động (4-5p)**  Trò chơi **Bắn tên** với các câu hỏi:  + Bạn hãy nêu dấu hiệu chia hết cho 2?  + Bạn hãy nêu dấu hiệu chia hết cho 5?  + Bạn hãy nêu dấu hiệu chia hết cho 3?  + Bạn hãy nêu dấu hiệu chia hết cho 9?  - GV nhận xét.  - GV dẫn vào bài mới. | | -TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  - HS tham gia trò chơi trả lời cầu hỏi.  - Lắng nghe. |
| **2. Hoạt động Luyện tập (20p)**  **a.HĐ1: (7-8p)Bài 1.**Trong các số: 3451; 4563; 22050; 2229; 3576; 66816...  \* Mục tiêu: Bước đầu biết vận dụng dấu hiệu chia hết cho 9, dấu hiệu chia hết cho 3, trong một số tình huống đơn giản.  \* Cách tiến hành: | | |
| - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập, xác định yêu cầu.  - Yêu cầu HS làm vở ô ly, 3 em lần l­ượt làm bài trên bảng lớp.  - GV chốt đáp án, củng cố dấu hiệu chia hết cho 3; 9. | | - HS đọc yêu cầu bài tập.  - Thực hiện cá nhân- Chia sẻ lớp  Đ/a:  a. Số chia hết cho 3 là: 4563, 2229, 3576, 66816.  b. Số chia hết cho 9 là: 4563, 66816.  c. Số chia hết cho 3 nhưng không chia hết cho 9 là: 2229, 3576. |
| **b. HĐ 2: (8-9p)Bài 2.** Tìm chữ số thích hợp để viết vào chỗ chấm sao cho:  \* Mục tiêu: Bước đầu biết vận dụng dấu hiệu chia hết cho 9, dấu hiệu chia hết cho 3, dấu hiệu chia hết cho 2 trong một số tình huống đơn giản.  \* Cách tiến hành: | | |
| ***-*** Cho HS đọc đề bài.  - GV yêu cầu HS tự làm bài,  - Gọi HS đọc các chữ số cần điền và giải thích vì sao điền chữ số đó.  - Nhận xét, chốt đáp án. | | - HS nêu yêu cầu bài tập.  - Thực hiện theo yêu cầu của GV.  Đ/a:  a. 94**5** chia hết cho 9  b. 2**2**5 ; 2**5**5 ; 2**8**5 chia hết cho 3.  c. 76**2** ; 76**8** chia hết cho 3 và cho 2.  - Lắng nghe. |
| **c. HĐ 3: (9-10p)Bài 3.** Câu nào đúng, câu nào sai?  \* Mục tiêu: Bước đầu biết vận dụng dấu hiệu chia hết cho 9, dấu hiệu chia hết cho 3, vừa chia hết cho 2 vừa chia hết cho 5, vừa chia hết cho 2 vừa chia hết cho 3 trong một số tình huống đơn giản.  \* Cách tiến hành: | | |
| - Cho HS đọc đề bài.  - Yêu cầu HS thảo luận cặp đôi làm bài.  - Yêu cầu các nhóm báo cáo từng phần và giải thích rõ vì sao đúng, sai.  - Nhận xét, chốt đáp án. | | - HS đọc đề bài.  - HS thảo luận nhóm làm bài.  - Đại diện 2 nhóm thi làm bài, giải thích vì sao đúng, vì sao sai.  Đ/a:  a). Đ ; b). S ; c). S ; d). Đ.  - HS giải thích.  - Lắng nghe. |
| **3.HĐ Vận dụng - Mở rộng: (3-4p)**  \* Mục tiêu: Giúp HS vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề tương tự trong học tập.  \* Cách tiến hành: | | |
| - GV tổ chức trò chơi: Hái hoa dân chủ  + GV nêu tên trò chơi.  + GV phổ biến luật chơi: Mỗi bông hoa có chứa một số có liên quan đến dấu hiệu chia hết cho 2,5,9 và 3.VD:  ? Tìm 1 số có 3 chữ số chia hết cho cả 2 và 5?  ? Tìm 1 số có 3 chữ số chia hết 9 nhưng không chia hết cho 3?  + GV tổ chức HS chơi  - GV tổng kết, tuyên dương.  **4. Củng cố - dặn dò: (1-2p)**  - Gọi HS nêu lại các dấu hiệu chia hết đã học.  - Nhận xét tiết học. Dặn dò: Ghi nhớ dấu hiệu chia hết đã họcvà chuẩn bị bài tiếp theo. | - HS lắng nghe  - HS tham gia chơi  - HS lắng nghe  - HS trả lời.  - HS lắng nghe | |

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỊA LÍ**

**ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Thứ sáu ngày 21 tháng 01 năm 2022**

**Toán**

**Tiết 89: LUYỆN TẬP CHUNG**

**Không dạy ( CV 3969 )**

**I. MỤC TIÊU**

**- Năng lực chung:** Góp phần hình thành và phát triển năng lực tự chủ và tự học; năng lực giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**- Năng lực đặc thù:**

+ Năng lực tư duy và lập luận toán học: Củng cố dấu hiệu chia hết cho 2; 3; 5; 9.

+ Năng lực giải quyết vấn đề toán học: Biết vận dụng dấu hiệu chia hết cho 2; 3; 5; 9 trong một số tình huống đơn giản.

+ Năng lực giao tiếp toán học: HS nghe hiểu, biết trao đổi, chia sẻ với các bạn trong nhóm để làm được các bài tập.

**- Phẩm chất chung**: Có hứng thú và niềm tin trong học toán.

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Giáo viên:** Trò chơi, bảng phụ

**2. Học sinh:** SGK, vở toán

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của Giáo viên** | | **Hoạt động của Học sinh** |
| **1. HĐ Khởi động (3-4p)**  - GV giới thiệu, dẫn vào bài mới. | | - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ. |
| **2. Hoạt động luyện tập (28-30p)**  **a.HĐ1:(9-10p) Bài 1.** Trong các số 7435; 4568; 66811; 2050; 2229; 35766…  \* Mục tiêu: Vận dụng thành thạo dấu hiệu chia hết cho 2, 3, 5, 9 trong một số tình huống đơn giản.  \* Cách tiến hành: | | |
| - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - GV hướng dẫn: (Dựa vào các dấu hiệu chia hết đã học, rồi ta chọn ra các số thỏa mãn các dấu hiệu đó.)  - Yêu cầu HS làm vở ô ly, 3 em lần l­ượt làm bài trên bảng lớp.  - Gọi HS chia sẻ, nhận xét, bổ sung, sửa (nếu cần).  - GV chốt đáp án.  - Củng cố cách xác định các số chia hết cho 2, 5, 3, 9.  ? Làm cách nào để tìm được số vừa chia hết cho 2, vừa chia hết cho 5?  ? Làm cách nào để tìm được số vừa chia hết cho 2, vừa chia hết cho 3?  ? Làm cách nào để tìm được số vừa chia hết cho 2, 3, 5, 9?  - GV nhận xét, tuyên dương. | - HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Lắng nghe.  - Thực hiện theo yêu cầu của GV.  Đ/a:  a) Các số chia hết cho 2 là: 4568; 2050; 35766.  b) Các số chia hết cho 3 là: 2229; 35766.  c) Các số chia hết cho 5 là: 7435 ; 2050.  d) Các số chia hết cho 9 là: 35766.  - Lắng nghe và trả lời câu hỏi.  - Lắng nghe. | |
| **b. HĐ 2: (9-10p) Bài 2.** Trong các số 57234; 64620; 5270; 77285…  \* Mục tiêu: Vận dụng thành thạo dấu hiệu chia hết cho 2, 3, 5, 9 trong một số tình huống đơn giản.  \* Cách tiến hành: | | |
| - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Yêu cầu HS làm bài theo cặp.  - Gọi HS chia sẻ, nhận xét, bổ sung, sửa (nếu cần).  - GV chốt đáp án.  - Củng cố cách xác định các số chia hết cho cả 2 và 5; cả 3 và 2; cả 2,3,5,9 | - HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Thực hiện theo yêu cầu của GV.  Đ/a:  a) Các số chia hết cho 2 và 5: 64 620; 5270  b) Các số chia hết cho 3 và 2: 64 620; 57 234.  c) Các số chia hết cho 2; 3; 5; 9 là: 64 620  - Lắng nghe. | |
| **c. HĐ 3: (9-10p) Bài 3.**Tìm chữ số thích hợp để viết vào ô trống, sao cho:…  \* Mục tiêu: Vận dụng thành thạo dấu hiệu chia hết cho 2, 3, 5, 9 trong một số tình huống đơn giản.  \* Cách tiến hành: | | |
| - Gọi HS nêu yêu cầu, GV hướng dẫn.  ? Số em sẽ điền thoả mãn yêu cầu gì?  ? Khi viết số đó em cần chú ý điều gì?  - GV phát bảng nhóm cho 6 nhóm, sau đó mời 3 nhóm xong trước lên treo, các nhóm còn lại GV thu và mời nhận xét chéo.  - GV nhận xét, củng cố lại các dấu hiệu chia hết | - HS nêu yêu cầu, xác định yêu cầu.  - Cần dựa vào các dấu hiệu chia hết đã học, ta viết số thích hợp vào ô trống thỏa mãn các dấu hiệu đó.  - HS thảo luận nhóm làm bài, chia sẻ.  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  a) 5**2**8 chia hết cho 3. (hoặc 5, hoặc 8)  b) 6**0**3 chia hết cho 9. (hoặc 9)  c) 24**0** chia hết cho cả 3 và 5.  d) 35**4** chia hết cho cả 2 và 3.  - Lắng nghe. | |
| **3. HĐ Vận dụng - Mở rộng: (2-3p)**  \* Mục tiêu: Giúp HS vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề tương tự trong học tập.  \* Cách tiến hành: | | |
| - GV tổ chức trò chơi: Ai nhanh ai đúng  + GV nêu tên trò chơi.  + GV phổ biến luật chơi: GV đưa các số có đáp án đúng hoặc sai HS nhẩm tìm đáp án đúng hoặc sai.  VD.  980 chia hết cho cả 2 và 5  12 462 chia hết cho cả 2 và 3  ...  + GV tổ chức HS chơi  - GV tổng kết, tuyên dương  **4. Củng cố dặn dò**: (1-2p)  ? Bài giúp con nắm được kiến thức gì?  - GV nhận xét tiết học.  - Về ghi nhớ các dấu hiệu chia hết và chuẩn bị cho tiết kiểm tra. | - HS lắng nghe  - HS tham gia chơi  - HS lắng nghe  - HS trả lời.  - HS lắng nghe. | |

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

* Nên cho HS làm việc nhóm nhiều hơn

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Tập làm văn

**ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I(Tiết 4)**

**I. MỤC TIÊU**

**- Năng lực chung:** Góp phần hình thành và phát triển năng lực tự chủ và tự học; năng lực giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**- Năng lực đặc thù:**

+ Năng lực ngôn ngữ: Đọc rành mạch, trôi chảy bài tập đọc đã học theo tốc độ quy định giữa học kì I (khoảng 75 tiếng/phút). Bước đầu biết đọc diễn cảm đoạn văn, đoạn thơ phù hợp với nội dung đoạn đọc.

+ Năng lực văn học: Nghe-viết đúng bài chính tả (tốc độ viết khoảng 80-85 chữ/15phút), không mắc quá 5 lỗi trong bài; trình bày đúng bài thơ 4 chữ *(Đôi que đan*).

**- Phẩm chất chung:**Giáo dục HS ý thức học tập và trong cuộc sống.

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Giáo viên:** Máy tính, máy chiếu.

**2. Học sinh:** SGK, VBT

**IV.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Giáo viên** | **Hoạt động của Học sinh** |
| **1. HĐ Khởi động (3-4p)**  - GV nhận xét  - GV giới thiệu và dẫn vào bài mới. | - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ. |
| **2. HĐ Luyện tập (28p)**  **a. HĐ1: Kiểm tra tập đọc và học thuộc lòng: (10-14p)**  \* Mục tiêu:Đọc rành mạch, trôi chảy các bài tập đọc đã học (tốc độ đọc khoảng 80-85 tiếng/phút); bước đầu biết đọc diễn cảm đoạn văn, đoạn thơ phù hợp với nội dung. Thuộc ba đoạn văn, đoạn thơ đã học ở HK I.  \* Cách tiến hành: | |
| - Tổ chức kiểm tra: yêu cầu từng hs lên bốc thăm tên bài đọc, bốc được bài nào đọc bài đó.  - Sau mỗi lần HS đọc bài, GV đặt câu hỏi về nội dung bài HS đọc, yêu cầu trả lời các câu hỏi đó.  - GV nhận xét, khen/ động viên trực tiếp từng HS. | - HS lên bảng bốc bài đọc: HS đọc bài và trả lời câu hỏi kiểm tra của GV.  1. *Bài* **Ông Trạng thả diều** (Tiếng Việt 4/1, trang 104)  2. *Bài*  **“Vua tàu thủy” Bạch Thái Bưởi** (Tiếng Việt 4/2, trang 115)  3. *Bài*  **Vẽ trứng** (Tiếng Việt 4/1, trang 120)  4. *Bài*  **Người tìm đường lên các vì sao** (Tiếng Việt 4/1, trang 125)  5. *Bài*  **Văn hay chữ tốt** (Tiếng Việt 4/1, trang 129)  6. *Bài*  **Chú Đất Nung** (Tiếng Việt 4/1, trang 134)  7. *Bài*  **Chú Đất Nung** (Tiếng Việt 4/1, trang 138)  8. *Bài*  **Cánh diều tuổi thơ** (Tiếng Việt 4/1, trang 146)  9. *Bài*  **Kéo co** (Tiếng Việt 4/1, trang 155)  10. *Bài*  **Rất nhiều mặt trăng** (Tiếng Việt 4/1, trang 163)  - HS lắng nghe |
| **b. HĐ2: Bài 2 (12-14p). Bài 2:** Nghe - viết: Đôi que đan.  \* Mục tiêu: Nghe-viết đúng bài chính tả (tốc độ viết khoảng 80-85 chữ/15phút), không mắc quá 5 lỗi trong bài; trình bày đúng bài thơ 4 chữ.  \* Cách tiến hành: | |
| - GV đọc bài thơ Đôi que đan.  ? Từ đôi que đan và bàn tay của chị em những gì hiện ra?  ? Theo em, hai chị em trong bài là người như thế nào?  \* Hướng dẫn viết từ khó  - HS tìm các từ khó, dễ lẫn khi viết chính tả và luyện viết.  \* Nghe - viết chính tả  - GV đọc cho HS viết với tốc độ vừa phải (khoảng 80-85 chữ/15 phút). Mỗi câu hoặc cụm từ được đọc 2 đến 3 lần: đọc lượt đầu chậm rãi cho HS nghe, đọc nhắc lại 1 hoặc 2 lần cho HS kịp viết với tốc độ quy định.  \* Soát lỗi và chữa bài  - Đọc toàn bài cho HS soát lỗi.  - Thu nhận xét, đánh giá bài làm  - Nhận xét bài viết của HS | - 1 HS đọc thành tiếng.  - Những đồ dùng hiện ra từ đôi que đan và bàn tay của chị em: mũ len, khăn, áo của bà, của bé, của mẹ cha.  - Hai chị em trong bài rất chăm chỉ, yêu thương những người thân trong gia đình.  - Các từ ngữ: mũ, chăm chỉ, giản dị, đỡ ngượng, que tre, ngọc ngà, …  - Nghe GV đọc và viết bài.  - Dùng bút chì, đổi vở cho nhau để soát lỗi, chữa bài. |
| **3. HĐ Vận dụng - Mở rộng: (3-4p)**  \* Mục tiêu: HS biết viết một đoạn văn ngắn nói về nội dung bài thơ Đôi que đan.  \* Cách tiến hành: | |
| - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm bàn.  - Gọi đại diện các nhóm trình bày.  - GV nhận xét, tuyên dương HS.  **4. Củng cố dặn dò: (1-2p)**  - Nhận xét tiết học.  - Dặn dò: Về ôn lại các bài tập đọc học thuộc lòng chuẩn bị cho tiết kiểm tra cuối HKI. | - HS thảo luận theo nhóm bàn về nội dung bài thơ Đôi que đan và viết vào VBT.  - Đại diện các nhóm trình bày, nhận xét, bổ sung.  VD: Bé tập đan theo chị - Từ hai bàn tay hai chị em đan những mũ cho bé, khăn cho bà, áo cho mẹ, cho cha lần lượt hiện ra.  - Lắng nghe. |

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**KHOA HỌC**

**KHÔNG KHÍ CẦN CHO SỰ SỐNG**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết được vai trò của không khí với sự sống của con người, động vật, thực vật

. **2. Năng lực:**

**- NL chung:** Tự chủ và tự học trong học tập; NL giao tiếp và hợp tác,NL phát hiện và làm rõ vấn đề và hợp tác chiếm lĩnh kiến thức.

- **NL đặc thù:** Năng lực khoa học , năng lực thể chất

**3. Phẩm chất :** Chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

***\* BVMT:*** *Mối quan hệ giữa con người với môi trường: Con người cần đến không khí, thức ăn, nước uống từ môi trường.*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Hình SGK trang 72, 73

+ Sưu tầm các hình ảnh về người bệnh thở bằng ô- xi

+ Hình ảnh hoặc dụng cụ để bơm không khí vào bể cá.

- HS: Sách giáo khoa, bút,...

**2.Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: quan sát, hỏi đáp, thảo luận, trò chơi học tập, thí nghiệm

- KT: Động não, chia sẻ nhóm đôi, tia chớp

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt đông của giáo viên** | **Hoạt đông của của học sinh** |
| **1. Khởi động *(4p)***  *+ Không khí có vai trò như thế nào đối với sự cháy?*  *+ Để duy trì sự cháy, ta làm thế nào?* | - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  *+ Ô-xi cần cho sự cháy, càng có nhiều ô-xi thì sự cháy sẽ tiếp diễn lâu hơn. Ni-tơ không duy trì sự cháy nhưng nó giúp cho sự cháy không diễn ra quá mạnh, quá nhanh*  *+ Cần liên tục cung cấp ô-xi* |
| **2.Bài mới:**  **\* Mục tiêu:** Biết được vai trò của không khí với sự sống của con người, động vật, thực vật  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm –Lớp** | |
| **HĐ1: Vai trò của không khí đối với con người.**  + GV yêu cầu HS làm theo hướng dẫn mục Thực hành SGK trang 72 và phát biểu nhận xét.  *+ Để tay trước mũi, thở ra và hít vào, bạn có nhận xét gì?*  *+ Lấy tay bịt mũi và ngậm miệng lại, bạn cảm thấy như thế nào?*  *+ Qua thí nghiệm và hiểu biết thực tế em hãy nêu vai trò của không khí đối với đời sống con người?*  ***- GV chốt vai trò của không khí với con người***  **HĐ2: Vai trò của không khí đối với thực vật và động vật:**  - GV yêu cầu HS quan sát hình 3, 4 và trả lời câu hỏi.  *+ Tai sao sâu bọ và cây trong bình bị chết?*  ***\*\* Từ xưa các nhà bác học đã làm thí nghiệm: Nhốt một con chuột bạch vào trong một chiếc bình thuỷ tinh kín, có đủ thức ăn và nước uống . Khi nó thở hết ô- xi trong bình thuỷ tinh thì nó bị chết mặc dù thức ăn và nước uống vẫn còn.***  *+ Tại sao ta không nên để nhiều hoa tươi và cây cảnh trong phòng ngủ đóng kín cửa?*  *+ Nêu vai trò của không khí đối với động vật và thực vật?*  ***- GV chốt vai trò của không khí với con người***  **HĐ3: Một số trường hợp phải dùng bình ô- xi**:  + GV yêu cầu HS quan sát hình 5, 6 trang 73 SGK theo cặp.  *+ Dụng cụ giúp người thợ lặn lâu dưới nước và dụng cụ giúp cho nước trong bể cá có không khí hoà tan?*  - GV yêu cầu HS thảo luận câu hỏi.  *+ Nêu ví dụ chứng tỏ không khí cần cho sự sống của người, động vật và thực vật?*  *+ Thành phần nào trong không khí là quan trọng nhấtđối với sự thở?*  *+ Trong trường hợp nào người ta phải thở bằng bình ô- xi?*  ***KL: Người, động vật, thực vật muốn sống được cần ô- xi để thở.***  **3. HĐ ứng dụng *(1p)***  \* GD bảo vệ môi trường: Con người cần không khí để thở. Vì vậy, để đảm bảo cho sức khoẻ thì không khí phải như thế nào? Cần làm gì đề giữ bầu không khí trong sạch  **4. HĐ sáng tạo *(1p)*** | - Thực hành cá nhân và nêu nhận xét, cảm nhận của mình  *+ Nhận thấy có luồng không khí ấm chạm vào tay khi thở ra.*  *+ Cảm thấy khó chịu...*  *+ Con người cần không khí để thở, con người có thể nhịn ăn, nhịn uống vài ngày nhưng không thể nhịn thở trong một phút.*  **Nhóm 2 – Chia sẻ lớp**  - HS quan sát hình 3, 4.  *+ Vì trong bình kín không có không khí nên sâu bọ và cây bị chết.*  - Lắng nghe  *+ Vì cây hô hấp thải ra khí các- bô- níc, hút khí ô- xi, làm ảnh hưởng đến sự hô hấp của con người.*  *+ Động vật và thực vật cần không khí để sống.*  **Nhóm 2 – Chia sẻ lớp**  - HS quan sát hình và trả lời câu hỏi SGK.  *+ Bình ô- xi người thợ lặn đeo ở lưng*  *+ Máy bơm không khí vào nước.*  *+ Ví dụ: Nhịn thở trong trong một phút.......*  *+ Khí ô- xi.*  *+ Những người thợ lặn, thợ làm việc trong hầm lò, người bị bệnh nặng cần.*  + Không khí phải trong sạch.  - HS nêu các biện pháp bảo vệ bầu không khí trong sạch.  - Tìm các VD khác chứng tỏ không khí cần cho sự sống |

Sinh hoạt

**SINH HOẠT TUẦN 18**

Di sản TNTGVHL

**Bài 5:KHAI THÁC HẢI SẢN TRÊN VỊNH HẠ LONG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Sinh hoạt:**

- Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực đặc thù:

+ NL ngôn ngữ: HS có kĩ năng trình bày ý kiến của bản thân trước lớp

- Phẩm chất chung:

+ Thấy được những ưu khuyết điểm của mình trong tuần qua.

+ Nắm bắt được phương hướng hoạt động tuần tới.

+ Giúp hs biết được một số Luật ATGT để từ đó các em có ý thức tốt.

+ Giáo dục HS biết yêu quý thầy cô, bạn bè, trường lớp, có ý thức phê và tự phê.

**2. Di sản TNTGVHL:**

- Năng lực chung: Góp phần hình thành và phát triển năng lực tự chủ và tự học; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực đặc thù: Nắm bắt được việc khai thác hải sản trên Vịnh Hạ Long

- Phẩm chất chung: Chăm chỉ, gương mẫu, trách nhiệm trong gia đình.

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Giáo viên:**Tranh ảnh liên quan đến bài học Di sản TNTGVHL.

**2. Học sinh:**

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Giáo viên** | **Hoạt động của Học sinh** |
| **1. Hành chính lớp học (18-20p)**  - GV mời 3 tổ trưởng lần lượt lên đánh  giá tình hình hoạt động của tổ trong  tuần qua.  - GV chốt lại công tác phong trào hoạt động của cá nhân, tổ, lớp.  - GV cho HS nêu phương hướng hoạt động của tuần tới.  - GV nêu phương hướng, nhiệm vụ hoạt động của tuần tới.  *a. Nề nếp:*  - Tiếp tục duy trì tốt mọi nề nếp quy định của trường, lớp đề ra.  - Xếp hàng ra vào lớp nhanh nhẹn.  - Truy bài 15 phút đầu giờ nghiêm túc, vệ sinh lớp học sạch sẽ gọn gàng, thực hiện tốt 5 phút sạch trường, đoạn đường, cầu thang em chăm.  - Đi học đúng giờ, đầy đủ, nghỉ có xin phép.  *b. Học tập:*  - Tiếp tục phát động phong trào học tập để chào năm học mới và tháng An toàn giao thông.  - Học và làm bài đầy đủ trước khi đến lớp, có đầy đủ đồ dùng học tập cho các môn học. Giữ gìn sách vở gọn gàng.  - Trong lớp chú ý nghe giảng xây dựng bài.  - Ôn tập kiểm tra giữa học kì 1 nghiêm túc.  *c. Hoạt động khác:*  - Luôn nghe lời cha mẹ, biết giúp đỡ ông bà, anh chị em thuận hòa, với bạn phải đoàn kết.  - Giữ gìn tài sản của nhà trường.  - Tham gia đầy đủ các hoạt động của nhà trường đề ra.  - Thực hiện tốt ATGT, VSATTP, phòng chống tai nạn đuối nước,… Phòng tránh dịch Covid - 19.  **2. Dạy Di sản TNTGVHL (20p)**  - Dạy theo tài liệu Di sản TNTGVHL | - 3 TT lần lượt lên đánh giá tình hình hoạt động của tổ.  - HS lắng nghe.  - HS lần lượt nêu ý kiến.  - HS lắng nghe. |

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**